

Tác giả: Đỗ Thị Nga – Bảo tàng Đồng Nai

LỜI MỞ ĐẦU

Di tích lịch sử của các thế hệ con người thắm đượm một thông điệp thời quá khứ đến ngày nay hãy còn như là những chứng nhân sống của những truyền thống lâu đời cổ xưa. Nhân loại ngày càng ý thức rõ ràng tính thống nhất của các giá trị con người và coi các di tích như là một di sản chung.

Di sản văn hóa của dân tộc không chỉ là thành quả được dựng nên bởi quá trình lao động bền bỉ đầy sáng tạo của ông cha ta trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, mà còn là những chứng nhân những biểu hiện khách quan của lịch sử và bản sắc dân tộc. Chính vì vậy di sản văn hóa không chỉ là tài sản vô giá của quốc gia mà còn là tài sản chung của nhân loại.

Bảo tồn di sản là gìn giữ mối liên kết giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Phát huy bản sắc dân tộc là cái gốc vững chắc để xây dựng một nền văn hóa hiện đại và truyền thống.

Quá trình đô thị hóa ngày một tăng nhanh, xây dựng và phát triển là quy luật khách quan tất yếu của cuộc sống. Nhưng xây dựng, phát triển sao cho không làm lu mờ, lấn át, ảnh hưởng đến di sản là nhiệm vụ cực kỳ khó khăn, mang tính chất cấp thiết vì sự phát triển của xã hội. Là nước tham gia “công ước về bảo tồn di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới”, nhiều năm qua Đảng và nhà nước ta với sự giúp đỡ của Liên hiệp quốc và nhiều quốc gia khác đã làm rất nhiều việc để cứu vãn các di sản văn hóa của dân tộc.

Đồng Nai là địa bàn Phật giáo đã được truyền vào từ xa xưa trong lịch sử và đã từng là cái nôi của Phật giáo Đàng Trong. Chùa Long Thiên là một trong ba ngôi chùa cổ nhất ở Đồng Nai, có kiến trúc tôn giáo vào loại sớm nhất ở Đồng Nai. Tuy trải qua bao thế kỷ thăng trầm, nhiều lần trùng tu, hiện nay chùa được xây dựng lại theo lối kiến trúc tân kỳ, nhưng vẫn mang nét đặc

thù của ngôi chùa cổ xứ Đồng Nai. Chùa Long Thiên minh chứng cho sự hiện diện của người Việt ở đất Đồng Nai từ thế kỷ thứ XVII trước khi chúa Nguyễn quan tâm đến vùng đất Đàng Trong.

Chùa Long Thiên còn là nơi gắn liền với cuộc đời hoạt động cách mạng của Hòa thượng Thích Huệ Thành, một vị chân tu lấy đạo pháp lãnh đạo giới tăng ni, Phật tử trong tinh phục vụ cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc suốt hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Có thể nói đây là ngôi chùa không chỉ có giá trị về khoa học mà còn là nơi gắn kết “đạo” với “đời” bằng tâm linh tín ngưỡng để hướng con người đến chỗ chân, thiện, mỹ. Hay nói cách khác đây là ngôi Già Lam còn tìm ẩn nhiều giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể, giá trị nhân văn rất cần được khơi nguồn để phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch tỉnh nhà.

Với ý nghĩa và tầm vóc quan trọng như vậy, tôi đã chọn “Di tích lịch sử văn hóa chùa Long Thiên - tỉnh Đồng Nai” để tham gia “Hội thi tìm hiểu giá trị văn hóa – lịch sử Đồng Nai 2012”. Thông qua hội thi này tạo điều kiện để tôi tìm hiểu sâu hơn giá trị của di tích, từ đó nêu lên những cảm nghĩ và ý kiến góp ý kiến nghị của mình về việc giữ gìn, phát huy giá trị di tích trong quá trình xây dựng, phát triển tỉnh Đồng Nai văn minh, giàu đẹp.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ CHÙA LONG THIÊN

1.1. Vài nét về lịch sử Phật giáo tỉnh Đồng Nai và Nam Bộ

1.1.1. Khái quát về lịch sử Phật giáo Nam Bộ

Phật giáo Ấn Độ và Phật giáo Trung Hoa bằng nhiều con đường đã du nhập sang Việt Nam từ rất sớm, cùng với tín ngưỡng dân gian của cư dân bản địa đã tạo nên tiền đề cho sự hình thành Phật giáo Việt Nam mang những đặc trưng riêng biệt và phân hóa theo lãnh thổ của từng vùng miền khác nhau. Hàng ngàn ngôi chùa mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc từ Bắc vào Nam là minh chứng rõ ràng về điều đó.

Phật giáo thực sự trở thành một nhu cầu tinh thần cần thiết của người Việt, những mái chùa cổ kính đã góp phần tô điểm cho làng quê Việt Nam. Tiếng chuông chùa cùng với hình ảnh cây đa, bến nước, sân đình...luôn luôn khắc sâu trong tâm khảm của mỗi người con xa quê hương, đau đáu nhớ về nơi “chôn nhau cắt rốn” của mình, nhớ về tổ tiên ông bà.

Vào thế kỷ XVI với sự phân chia Đàng Trong và Đàng Ngoài giữa họ Trịnh và họ Nguyễn, lấy sông Gianh làm ranh giới, đã là một mốc quan trọng có ảnh hưởng đến lịch sử Phật giáo. Mặc dù theo chân đoàn di dân, đạo Phật đã có mặt trên vùng đất mới, tại mọi khu vực thời gian có khác nhau, nhưng có thể tìm thấy 4 hướng.

- Hướng thứ 1: Trong số đoàn di dân từ miền Thuận Quảng vào khai phá vùng đất mới, có cả những nhà sư người Việt và người Hoa. Sử liệu còn ghi lại một số chùa cổ như: chùa Đại Giác, Long Thiên (Đồng Nai)...đều có các thiền sư miền Trung vào theo hướng đường bộ và đường thủy từ Đồng Nai xuống Gia Định, vào thế kỷ XVII, XVIII, XIX.

- Hướng thứ 2: Theo đường thủy, từ Trung Quốc đạo Phật đã được các nhà sư đến thẳng vùng Đồng Nai, Gia Định, Mỹ Tho, truyền đạo (1679). Đây

là những nhà sư thuộc nhóm của các tướng Trần Thượng Xuyên đến lập nghiệp ở Trấn Biên, Dương Ngạn Địch đến Gia Định và phụ tá của ông là Hoàng Tiến dẫn đầu một nhóm đến Mỹ Tho.

- Hướng thứ 3: Đầu thế kỷ XVIII, Mạc Cửu người Quảng Đông, từ Chân Lạp sang vùng đất mới phía Nam đặt tên là Hà Tiên, ban đầu dựng một am nhỏ cho mẹ tu, sau này phát triển, xây dựng thành chùa Tam Bảo vào năm 1725, hiện nay chùa Tam Bảo vẫn còn nổi tiếng. Đây là một trong những hướng du nhập của Phật giáo Trung Hoa vào Nam Bộ theo hướng ngược lại với cuộc di dân.

- Hướng thứ 4: Vào năm 1938, Hộ Tông truyền bá Phật giáo Nam Tông từ Campuchia vào Nam Bộ, đem lại cho Phật giáo Nam Bộ một nét mới mẻ.

Trong quá trình phát triển Phật giáo Nam Bộ đã hình thành 3 hệ phái chính: Bắc Tông, Nam Tông và Hệ phái Khất Sĩ (Hệ phái này thành lập năm 1944 do nhà sư Minh Đăng Quang khai sáng tại Nam Bộ). Với những ngôi chùa mang nhiều vẻ phong phú và đa dạng được xây dựng ở các tỉnh Nam Bộ đã chan hòa cuộc sống của cư dân Việt trong những buổi đầu khai phá vùng đất mới.

Bất cứ tôn giáo nào qua thời gian và không gian cũng biến thể đi để xuất hiện những chi phái hay hệ phái. Cũng vậy từ Ấn Độ đạo Phật đã theo hai hướng truyền Bắc, Nam mà gọi là Bắc Tông và Nam Tông. Theo chân đoàn di dân vào phía Nam khẩn hoang, Phật giáo đã được các thiền sư Trung Hoa truyền bá dòng phái của mình có từ chính quốc. Đạo Phật do Bồ Đề Đạt Ma truyền vào Trung Quốc, đã truyền xuống được 5 đời: Huệ Khả, Năng Xán, Đạo Tín, Hoàng Nhẫn, Huệ Năng. Từ tổ Huệ Năng bắt đầu phân ra thành 5 nhánh lớn: đó là Lâm Tế, Tào Động, Vân Môn, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng, nên gọi “Nhất chi sinh ngũ diệp”. Tuy nhiên khi truyền vào Việt Nam chỉ có hai chi phái lớn là Lâm Tế và Tào Động.

Về Tông Phái Lâm Tế: Người sáng lập ra tông phái này là Lâm Tế, pháp hiệu Nghĩa Huyền. Qua từng giai đoạn chi phái này cũng chia thành nhiều dòng phái: Tổ Đạo, Đạo Bản Nguơn, Liễu Quán, Chúc Thánh...

Trên đây là 4 dòng chính thuộc phái Lâm Tế, trong đó có 3 dòng do người Trung Hoa trực tiếp truyền bá như: Dòng Lâm Tế Tổ Đạo, dòng Đạo Bản Nguơn, dòng Chúc Thánh và một dòng Liễu Quán do Thiệt Diệu là người Việt sáng lập. Bốn dòng này phát triển khắp các tỉnh Nam Bộ, mỗi dòng phát triển một khu vực tương đối rộng, trong đó dòng đạo Bản Nguơn và dòng Lâm Tế Tổ Đạo phát triển mạnh ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Bốn dòng này phát triển trong ngôi chùa Phật giáo thuộc hệ phái Bắc Tông.

1.1.2. Khái quát về lịch sử Phật giáo Đồng Nai.

Theo Đại Nam nhất thống chí và Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn thì buổi đầu vào khai hoang lập ấp ở Đồng Nai, người Việt đã trải qua nhiều giai đoạn, chặng đường. Ngoài văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo truyền thống được mang theo vào vùng đất mới, người Việt đã tiếp nhận có chọn lọc các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo của các cộng đồng cư dân mà họ cùng sinh sống. Khi người phương Tây vào truyền giáo, họ tại tiếp nhận văn hóa Kitô giáo. Do điều kiện lịch, sử địa lý nhân văn nên tín ngưỡng tôn giáo Đồng Nai hỗn dung nhiều nguồn tạo nên sắc thái riêng. Hiện nay Đồng Nai là địa bàn đa tôn giáo: Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hòa Hảo, Hồi giáo...trong đó Công giáo và Phật giáo là hai tôn giáo có tín đồ đông nhất.

Đồng Nai là địa bàn Phật giáo đã được truyền vào từ xa xưa trong lịch sử và từng là một trong những cái nôi Phật giáo Đàng Trong thời các chúa, các vua nhà Nguyễn, có ảnh hưởng không chỉ đối với Phật giáo ở Nam Bộ mà còn ảnh hưởng cả đến Phật giáo miền Trung. Nhiều nhà sư nối tiếp ở Đàng Trong

đã từng tu hành, hoằng hóa ở Đồng Nai và có nhiều đệ tử nổi danh khác đi hoằng hóa khắp nơi.

Phật giáo Đồng Nai có nhiều tông môn, hệ phái cả Bắc tông và Nam tông, bao gồm: Cổ truyền, Phật giáo Việt Nam thống nhất, Thiên tông, Khất sĩ, Tịnh Độ tông, Nam tông Theravada, Phật giáo Khơ-me... Thiên tông nhập thế hòa nhập với tín ngưỡng dân gian truyền thống là chủ yếu, có ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian, không chỉ có ảnh hưởng trong Phật tử mà còn có ảnh hưởng cả trong những người theo đạo thờ cúng ông bà tổ tiên...theo quan niệm Thần, Phật ở bên cạnh con người để “hộ quốc an dân”.

Phật giáo được truyền vào Đồng Nai theo nhiều hướng khác nhau, nhiều thời điểm khác nhau. Buổi đầu trực tiếp từ Ấn Độ, các nhà sư và Phật tử theo thuyền buôn bằng đường biển đến các nước vùng Đông Nam Á và Viễn Đông truyền giáo. Những tài liệu cổ tìm thấy ở Đồng Nai chứng tỏ thời kỳ trước và sau công nguyên, văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo ở Ấn Độ đã có ảnh hưởng đến vùng đất này, trong đó có văn hóa, tín ngưỡng Phật giáo.

Ngay thời kỳ nhà Trần (1225-1400) với việc di dân vào phía Nam, tín ngưỡng Phật giáo cũng được mang theo vào vùng đất mới. Khi nhà Minh xâm chiếm nước ta, Lê Lợi khởi nghĩa đánh đuổi quân Minh xâm lược dựng nên triều đại nhà Lê (1428-1527), phái thiền Trúc Lâm do các vua nhà Trần lập cũng bị nghi kỵ. Vì vậy một số hoàng tộc nhà Trần và các thiền sư Trúc Lâm đã phải lẩn trốn qua Chiên Thành, Chân Lạp vào tận lưu vực sông Đồng Nai. Họ ẩn tu, che giấu tên tuổi, tông tích nên tài liệu về sự truyền thừa của phái Trúc Lâm ở Đồng Nai chưa xác định được rõ ràng. Chỉ biết vào cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII số người Việt vào sinh sống ở Đồng Nai đã nhiều. Người Việt vào khai hoang lập ấp đến đâu thì tín ngưỡng Phật giáo được lan truyền đến đó. Cho nên “buổi khai nguyên của chúa Nguyễn thì tinh thần Phật giáo đã theo cuộc di dân nhiều đợt định cư trước đó lan rộng rồi”.

Năm 1630 khi cuộc nổi dậy của Lý Tự Thành nổ ra và sau đó nhà Thanh đánh bại nhà Minh chiếm trọn Trung Quốc, nhiều người Trung Quốc không thuần phục nhà Thanh đã bỏ nước mà đi. Trong số người di cư tị nạn và xin vào lập nghiệp ở Đàng Trong có cả các nhà sư Phật giáo. Vào Biên Hòa – Đồng Nai, các nhà sư Trung Quốc được Phật tử mời đến trụ trì các chùa do họ đã tạo dựng trước đó, hoặc tự cất chùa, am để tu hành và hoằng hóa như: Chùa Long Thiên, chùa Bửu Phong, chùa Đại Giác...(thành phố Biên Hòa), chùa Châu Thới (nay thuộc Bình Dương).

Năm Kỷ Mùi (1679) các tướng lưu vong nhà Minh đem theo quân vào Đàng Trong thuần phục chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn cho họ quan chức và cho họ khai khẩn vùng Biên Hòa, Gia Định, Mỹ Tho. Tổng binh Trần Thượng Xuyên và phó tướng Trần An Bình vào Biên Hòa khai khẩn Cù Lao phổ, còn gọi là Đại phố Nông Nại (theo phát âm của người Hoa) nay thuộc xã Hòa Hiệp – Biên Hòa. Trong số những di dân này có cả thiền sư Trung Hoa điển hình là thiền sư Bản Kiều và Nguyên Thiều. Nguyên Thiều thuộc phái Lâm Tế dòng đạo Bản Ngươn đời thứ 33 có húy danh là Siêu Bạch theo dòng kệ của phái Lâm Tế chánh tông, từ Trung Hoa sang truyền đạo và đã trở thành một trong những sư Tổ của Phật giáo Trung và Nam Bộ.

Thiền sư Nguyên Thiều đã truyền thừa cho nhiều đệ tử nổi danh như thiền sư Minh Vật Nhất Tri sau trụ trì chùa Kim Cang, thiền sư Thành Đăng Minh Lương trụ trì chùa Đại Giác, thiền sư Thành Nhạ Ân Sơn trụ trì chùa Long Thiên, thiền sư Thành Trí Pháp Thông trụ trì chùa Bửu Phong.v.v... Các đệ tử nhà sư Nguyên Thiều ở Biên Hòa - Đồng Nai lại có nhiều đệ tử và pháp tôn nổi tiếng mở rộng phạm vi hoằng hóa ở Đồng Nai - Gia Định và lan rộng ra ở Mỹ Tho, Định Tường, Châu Đốc... còn truyền thừa cho đến ngày nay ở Nam Bộ.

Trong thời kỳ Nho giáo độc tôn dưới triều Nguyễn (thế kỷ XIX) chính sách của triều Nguyễn nói chung hạn chế sự phát triển của Phật giáo. Triều đình tăng cường quản lý số chư tăng, bắt họ tham gia công tác xã hội, chủ trương thu hẹp ảnh hưởng của nhà chùa đối với người dân, quy định ngặt nghèo nhằm giảm bớt việc xây chùa, tô tượng đúc chuông và theo đạo Phật. Triều đình cho rằng để Phật giáo phát triển sẽ làm hại cho lễ giáo phong kiến, ảnh hưởng đến việc thực hiện các giáo điều Nho giáo. Nhưng trong lịch sử phát triển của mình, Phật giáo ở Biên Hòa - Đồng Nai thời này không những không bị hạn chế mà còn phát triển. Các ngôi chùa cổ kính danh tiếng ở Biên Hòa - Đồng Nai đều được xây dựng trong thời chúa Nguyễn. Nhiều nhà sư tu hành hoằng hóa ở Biên Hòa - Đồng Nai trở thành các nhà sư tiêu biểu của Phật giáo Đàng Trong. Đó là vì Phật giáo có tính chất từ bi, bình đẳng, nêu cao cứu khổ cứu nạn cho con người nên đã được người Đồng Nai tiếp thu một cách sâu rộng, Phật giáo trở thành một mảng đậm nét trong văn hóa truyền thống ở địa phương.

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của chùa Long Thiên

1.2.1. Lịch sử hình thành chùa Long Thiên

Tổ Đình Long Thiên thuộc về Tông Lâm Tế, dòng Đạo Bản Ngươn, nó bắt đầu từ Tổ tam thập nhất thế, hiệu Mộc Trần Đạo Mẫn, biệt tác một bài kệ truyền phái. Bài kệ thất ngôn tứ cú:

*“Đạo Bản huyền thành phật tổ tiên,
Minh như kiêu nhựt lệ trung thiên
Linh nguyên quảng nhuận từ phong phổ
Chiếu thế chơn đặng vạn cổ huyền.”*

Mỗi một đời truyền xuống một chữ, như Tổ tam thập nhất thế kể tổ trước, nhưng Tổ biệt xuất bài kệ, truyền phái, thì lấy chữ đầu là chữ Đạo, tức là: Tổ Đạo Mẫn, Tổ Đạo Mẫn truyền cho Tổ tam thập nhị thế hiệu là Bản Kiêu.

“Đạo Bản Huyền” sau được đổi là “Đạo Bản Nguyên” hay còn đọc là “Bản Nguơn” vì húy kỵ của vua Khang Hy là Huyền Hoa. Theo bài kệ này Thiền sư Nguyên Thiều thuộc đời thứ 33 phái Lâm Tế, dòng Bản Nguơn. Đây là một dòng phát triển ở Nam Bộ. Sau Nguyên Thiều người Trung Quốc là các thiền sư người Việt, gốc của dòng phái này là Tổ đình Giác Lâm.

Khi sang Nam Bộ câu 2 của bài kệ được đổi lại là “*Minh như hồng nhật lệ trung thiên*”, chữ “*cảo*” (kiểu) được sửa lại thành chữ “*hồng*” nhưng do kỵ húy Tự Đức là Hồng Nhậm nên trên thực tế đời thứ 40 vẫn dùng chữ “*kiểu*”, như Định Tông húy Kiểu Giáp (chùa Đại Giác –Đông Nai), Kiểu Oai (chùa Long Thiên – Đông Nai)

Triều Lê năm 1658 vua Lê Thần Tông trị vì. Lúc ấy miền Nam chúa Nguyễn Hiền Vương cai trị và khai hóa, Tổ Bản Kiểu đồng thời đi vào Nam hóa đạo.

Theo “sự tích Long Thiên Tự” ghi: năm 1664 Tổ Bản Kiểu khai sơn Long Thiên tự. Tổ sư từ Trung Việt để lui tới miền Nam, trên đường tu tập và hóa đạo. Tín đồ sùng bái, quy ngưỡng, đạo mạnh thịnh hưng, sau Tổ trở về nguyên quán, người được Tổ giảng trách kế nghiệp là Đại Sư Nguyên Thiều. Nguyên Thiều tức là đệ tam thập tam tổ phái Lâm Tế, giới đức sung nghiêm, chẳng những trong đạo sùng kính mà triều đình cũng khâm kính với danh đức vang lừng. Lúc ấy có hai vị đệ tử, đạo hạnh cao siêu, đức tài gồm đủ, một vị hiệu Thành Nhạc, một vị hiệu Thành Đẳng. Đại sư Thành Nhạc kế nghiệp Tổ Long Thiên Tự, còn đại sư Thành Đẳng thì đi châu lưu hóa đạo.

Thiền sư Bản Kiểu- Khoáng Viên: Thiền sư Bản Kiểu (tất cả các sách in chữ Hán xuất bản tại Trung quốc đều ghi là Bản Quả) còn được gọi là Bản Cảo, Thích Thanh Từ trong “Thiền sư Việt Nam” còn gọi là Bản Khao. Mật thể gọi là Bản Khao nhưng viết là Khoáng Viên. Quê quán và tên thật của vị này cho đến nay vẫn chưa được rõ. Chỉ biết là Bản Kiểu là pháp danh của

thiền sư, thuộc thế hệ truyền thừa thứ hai, sau Đạo Mẫn - Mộc Trần, thuộc Tông Lâm Tế, dòng Đạo Bản Nguơn.

Thiền sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch: Ông họ Tạ, pháp danh Nguyên Thiều, hiệu Hoán Bích, quê ở Trình Hương, Triều Châu Quảng Đông, xuất gia năm 19 tuổi, tu ở chùa Báo Tư, thọ giáo với Hòa thượng Bản Khao - Khoáng Viên. Năm Ất Tý 1665, sư đi theo tàu buôn sang An Nam, trú ở Quy Ninh (Bình Định), lập chùa Thập Tháp Di Đà, mở trường truyền dạy. Sau sư ra Thuận Hóa lập chùa Hà Trung (thuộc huyện Phú Lộc) rồi lên Xuân Kinh (Huế) lập chùa Quốc Ân và lập tháp Phổ Đồng.

Tài liệu của giáo hội Phật giáo cổ truyền lục hòa tặng về Tổ đình Long Thiền tự có ghi: “Ngôi bửu tự này tọa lạc trong một khu vườn rộng, gần bờ sông Đồng Nai. Nguyên là Am Tự bằng tranh được dựng nên từ đời Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần (1664). Vị khai sơn là tổ Bản Kiểu thuộc phái Lâm Tế bên Trung Hoa vào Nam hóa đạo cùng với các đoàn binh sĩ của Trần Thượng Xuyên”.

Theo tài liệu về “Tổ Đình chùa Long Thiền” thì ghi rằng: Tổ Đình Long Thiền do Tổ sư Thành Nhạc sáng lập năm 1664, vào thời đại chúa Nguyễn Phước Tần, với chủ trương phát triển kinh tế, ổn định chính trị, cho di dân vào Đàng Trong (tức Nam Bộ). Vào khoảng thế kỷ XVII vùng đất Đồng Nai còn lắm hoang vu, rừng núi bạt ngàn, đất đai phì nhiêu, sông rạch chằng chịt và đủ muôn ngàn thú dữ hoang dã. Ven sông Đồng Nai lác đác vài ngôi nhà của người dân thiểu số. Vùng đất trù phú với sông Đồng Nai ngọt ngào hiền hòa trở thành nơi lý tưởng cho việc định cư của lưu dân người Việt từ Đàng Ngoài vào do không cam chịu cuộc chiến tranh khốc liệt giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn. Trong cộng đồng di dân, có một số nhà sư và Phật tử lánh nạn vào xứ Đồng Nai. Nhà sư Thành Nhạc là một trong số đó vào khai hoang lập ấp, mưu tìm cuộc sống ở vùng đất mới. Đến hữu ngạn sông Đồng

Nai, nhà sư nhận thấy cảnh trí tịch tịch, địa cảnh phong quang có thể khai thác mở thiền lâm nên dựng lập một ngôi chùa đặt tên là Long Thiên tự, thuộc thôn Bình Long (nay ấp Tân Bình, phường Bửu Hòa, tỉnh Đồng Nai).

Theo sự tích Long Thiên tự - tổ đình Sơn Môn Nam Việt, Giáo Hội Lục Hòa Tăng Biên Hòa: Đương thời đại sư Thành Nhạc trụ trì Long Thiên tự lúc ấy thiền tông thanh mậu, đạo mạch hưng long, danh đức lẫy lừng, các nơi đều quy ngưỡng, đáng ngôi vị kế thế nghiệp Tổ đại sư Thành Nhạc, tức là Tổ tam thập tứ thế của tông Lâm Tế. Tổ Thành Nhạc thâm thần tại Long Thiên tự năm Bính Thân. Ba vị đệ tử của Tổ là: sư Phật Chiêu, sư Phật Bửu, sư Phật Đình lập mộ chi cho Tổ vào mùa hạ năm Bính Thân và sư Phật Chiêu được lựa kế vị trụ trì Long Thiên Tự. Tổ Phật Chiêu truyền cho Hòa Thượng Tổ Kim kế vị tức là đệ tam thập lục thế. Bắt đầu từ đó Long Thiên tự đạo mạch mở mang, tôn phong cực thịnh. Long Thiên tự lúc bây giờ hiển nhiên là tổ Đình Sơn Môn Nam Việt. Hòa Thượng Tổ Kim trụ trì Long Thiên tự, ngài chuyên vào Thiền học, có lúc ngài kêu trong đại chúng: nhắc nhở các ông trên nên nhớ đến đường sinh tử là hơn? Hãy tinh tấn trong sự tập để cầu quả chứng, mới khỏi phụ chí hướng của người xuất gia học đạo.

Một ngày họ Hòa thượng Tổ Kim chống gậy băng rừng núi Châu Thới, lúc ấy còn rừng bụi rậm chưa khai phá, Hòa thượng đến phía lưng núi, Ngài ngồi kiết già, tay bấm ấn tam muội, y như lúc tham thiền nhập định, mặt ngó về phía cửa Long Thiên, mà Ngài quy tịch. Đại chúng ở chùa tưởng Ngài đi ngoạn cảnh, trông mãi trông hoài không thấy về, mới phân nhau đi tìm, khi đến núi đã thấy ngài quy tịch rồi. Đại chúng nhận thấy thầy đã biết trước ngày giờ quy tịch và viên tịch một cách chưa từng có, nên họp toàn thể môn nhơn, làm lễ trà tì đúng phép rồi thỉnh tro để vào bình bát, cung nghinh về chùa Long Thiên làm lễ nhập tháp. Tại chỗ Hòa thượng thi tịch có làm đá kỷ niệm

hiện nay vẫn còn. Kế ngôi vị của Tổ tam thập lục, có Hòa thượng Tiên Đức, hiệu Tịnh Tạng bực tài danh trong đạo trụ trì Long Thiên tự.

Thời kỳ Hòa thượng Tiên Đức tự Tịnh Tạng, trụ trì Long Thiên tự lúc ấy danh vang tứ xứ, thập phương tụ hội, thật là một thời kỳ cực thịnh của Tổ Đình Long Thiên. Hòa thượng Tiên Đức viên tịch tức là ngôi Tổ tam thập thất thế. Trưởng tử kế vị trụ trì đại đức Hòa Thượng Minh Thị, Hòa Thượng Minh Thị viên tịch, để lại Đại sư Như Luật kế vị, Đại sư truyền đến sư Kiếu Oai.

Trong thời kỳ Đại sư Kiếu Oai hành đạo, đời hạnh đạo của Đại sư có nhiều huyền diệu, được mười phương thiên tín đua nhau quy sùng. Đại sư Kiếu Oai, tu hành đặc biệt là không ăn cơm chỉ ăn rau, đậu, khoai, trái. Mỗi ngày thọ trai, một bữa gạo trung. Đại sư còn có biệt tài trị bệnh bách phát bách trúng, bất kỳ bệnh chi hễ đến Đại sư là lành mạnh. Vì vậy thuở ấy nhân gian ca tụng là đức Phật sống của chùa Long Thiên. Kỳ lạ nhất là bệnh điên hễ khi đến đại sư, là lấy dài khăn cầu Đại sư tha thứ. Vì trong khi trị bệnh, đại sư tụng kinh không dùng mõ chuông mà chỉ đánh dùi mõ trên đầu của Đại sư, thì bệnh nhân ngồi đằng xa ôm đầu la inh ỏi, cầu Đại sư đừng tụng nữa và bắt đầu lành bệnh. Lại có một thứ thuốc hiệu là hoàn hương, trăm ngàn thứ bệnh, hễ bất cứ bệnh chi đều lành mạnh cả. Vì đó là do oai thần lực của đại sư dày công tu tập mà nên. Lúc ấy vị Đại sư không ăn cơm nên dân chúng án danh là thầy Tuyết Cốc, hễ nói đến thầy Tuyết Cốc thì người người đều nể, cũng như vị Phật hiện tiền. Vào khoảng năm 1917 (*trong Lịch sử tổ đình chùa Long Thiên, Hòa Thượng Thích Trí Tấn (1990) thì ghi là Ngài viên tịch 1935*) Đại sư không bệnh, đúng ngày rằm tháng Giêng, làng xóm bốn đạo nói: ngày giờ châu Phật đã đến, khi đó có người tin có người nghi. Gần đến giờ cúng gạo, Đại sư biểu lên hương đèn và đánh ba hồi bát nhã để Đại sư đi, quả nhiên sau ba hồi bát nhã Đại sư ngồi kiết già viên tịch. Lúc ấy tất cả điều ngạc nhiên. Đám tang Đại sư chưa từng có xưa nay, hoàn lại 21 ngày để cho đệ tử tứ

phương về thọ phục. Từ ngày đại sư quy tịch, khách đến đầy chùa trong 21 ngày không ngớt, đã chứng tỏ uy tín của Đại sư rất lớn. Nhất là ngày nhập tháp cử hành một cách rất trong thể. Đại sư Kiến Oai, biệt hiệu Tuyết Cốc viên tịch đến nay cũng nhiều đời kế thế, nhưng không được phần thành đạt như xưa. Đến năm 1942 Hòa Thượng Huệ Thành kế vị trụ trì từ đó tới nay Tổ Đình Long Thiên bắt đầu thành đạt trở lại.

Kể từ khi khai sơn năm 1664 đến nay, được truyền thừa trên ba thế kỷ chùa Long Thiên được các Tổ nối tiếp nhau trụ trì, đều thuộc chi phái Lâm Tế, dòng đạo Bôn Nguyên.

Đời thứ 34: Thành Nhạc - Ân Sơn, trụ trì từ năm 1664 đến năm 1744 viên tịch.

Đời thứ 35: Tổ Phật Chiếu, trụ trì năm 1744 đến năm 1794 viên tịch.

Đời thứ 36: Tổ Kim, trụ trì từ năm 1794 đến năm 1839 viên tịch.

Đời thứ 37: Tiên Đức- Tịnh Tạng, trụ trì từ năm 1839 đến năm 1879 viên tịch.

Đời thứ 38: Minh Thị-Thiện Bảo, trụ trì từ năm 1879 đến năm 1889 viên tịch.

Đời thứ 39: Đại sư Như Luật, trụ trì 1889 đến năm 1919 viên tịch.

Đời thứ 40: Tổ sư Kiểu Oai, trụ trì từ năm 1919 đến năm 1935 viên tịch. Hòa Thượng Huệ Thành húy pháp danh Hồng Tín, trụ trì từ năm 1942 đến năm 2001 viên tịch.

Trải qua nhiều vị kế thừa, nhưng có những vị không trụ và tịch tại chùa, cho nên không ghi vào sử liệu của chùa. Hiện nay chùa Long Thiên do Hòa Thượng Huệ Hiền trụ trì.

Ngoài ra để phụ trách việc hoằng pháp, chùa còn có năm vị đại sư cùng thời với các Tổ trụ trì: Đại sư Như Kính, Như Liêu, Tâm Hảo, Nhựt Pháp và Long Hương. Về mặt đạo pháp tiếp nối vẻ vang sự nghiệp hoằng truyền của

các Tổ, từ sau ngày thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất (1981), hàng năm chùa đều có khai mở An cư kiết hạ. Một Đại giới đàn cũng được tổ chức vào năm 1984. Trong hai năm liên (1988-1989), hai trường hạ lớn đã kết hợp mở khóa huấn luyện trụ trì. Đặc biệt vào năm 1990, tại chùa một đại giới đàn lớn nhất từ trước đến nay cũng được khai mở qui tụ Phật tử từ ba miền về thọ giới.

1.2.2 .Chùa Long Thiên trong kháng chiến chống Pháp - Mỹ.

Tháng 9-1858, Pháp nổ súng ở Đà Nẵng mở đầu thời kỳ xâm lược Việt Nam. Tháng 12-1861, Pháp chiếm Biên Hòa. Tháng 6-1862, Pháp buộc triều đình Huế phải nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam Bộ (Biên Hòa - Gia Định, Định Tường) cho Pháp làm thuộc địa. Với truyền thống yêu nước gắn bó với dân tộc, tăng ni, Phật tử Đồng Nai tích cực tham gia cùng nhân dân, đứng lên chống Pháp xâm lược. Khi Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định hiệu triệu nhân dân đứng lên chống Pháp ở Gò Công, tăng ni, Phật tử Đồng Nai đã hưởng ứng tham gia chống Pháp trong đạo quân của Đỗ Trình Thoại ở Biên Hòa và nhiều đơn vị nghĩa quân khác.

Tháng 8-1883, Pháp chiếm toàn lãnh thổ Việt Nam. Tháng 6-1884 triều đình nhà Nguyễn phải ký hiệp ước thừa nhận sự thống trị của Pháp tại Việt Nam. Nước Việt Nam từ độc lập thành nô lệ, trở thành thuộc địa nửa phong kiến. Người dân mất nước là mất độc lập tự do, mất quyền sống quyền sáng tạo mọi giá trị. Người Phật tử tu tại gia hay xuất gia, trước hết họ là người dân của nước Việt Nam, họ cũng có nỗi đau chung của dân tộc. Pháp đã tạo điều kiện cho Công giáo phát triển và âm mưu dùng tôn giáo này thay các tôn giáo bản địa. Trong tình hình như vậy Phật giáo có nguy cơ bị đẩy lùi và mất chỗ đứng.

Thời cuộc đặt ra cho Phật giáo Việt Nam hai vấn đề để giải quyết: Đó là ứng phó với hiện trạng chính trị - xã hội đất nước như thế nào? Và sự phát

triển tiếp theo của Phật giáo ra sao để đối phó thời cuộc? Trong nội bộ Phật giáo bấy giờ không có quan điểm thống nhất, không có cùng một suy nghĩ, có người thờ ơ với thời cuộc, nhưng các vị cao tăng và Phật tử có lòng yêu nước, thương người thấy mình phải quan tâm đến tình hình đất nước, phải thay đổi quan niệm về giáo lý nhà Phật để thích ứng với dân tộc và thời đại. Cũng như Phật giáo trong cả nước, Phật giáo Đồng Nai trong giai đoạn này từng bước tìm cách chấn hưng, nhập thế để góp phần vào sự nghiệp chung của dân tộc và tạo chỗ đứng trước thời cuộc.

Năm 1930-1931, cao trào đấu tranh của quần chúng nhân dân chống ách thống trị của thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Đông Dương đã có ảnh hưởng sâu sắc đến nội bộ Phật giáo. Tăng ni Phật tử ở nhiều nơi dùng chùa làm nơi học tập, in ấn tài liệu và nuôi chứa cán bộ cách mạng. Từ ngày Long Thiên được thành lập đến nay, trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chùa Long Thiên dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Thích Huệ Thành đã đồng hành cùng quê hương góp sức đấu tranh giải phóng dân tộc. Có thể nói cuộc đời của Hòa thượng Thích Huệ Thành gắn liền với cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và Tổ đình chùa Long Thiên.

Theo *Kỷ yếu lễ tang Đại lão Hòa Thích Huệ Thành* của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Ban trị sự Tỉnh hội Phật giáo Đồng Nai thì Đại lão Hòa Thượng Huệ Thành, pháp danh Hồng Tín, thế danh Nguyễn Toàn Trung, sinh năm Nhâm Tý (1912), (*Những ngôi chùa Đồng Nai (tập 1) NXB Văn hóa Thông Tin, để sinh năm Mậu Ngọ 1918*) tại xã Phú Hữu, huyện Thủ Đức, tỉnh Gia Định (nay là TP. Hồ Chí Minh). Thân sinh là cụ ông Nguyễn Văn Đạo - Pháp danh Huệ Định, một nhà nho yêu nước, tham gia phong trào Duy Tâm và lãnh đạo phong trào Thiên Địa Hội. Thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Đồng - Pháp danh Diệu Từ. Hòa thượng được sinh ra và lớn lên trong gia đình nho học, yêu nước, chánh tín Phật pháp. Do đó Hòa thượng đã có căn lành với

ngôi Tam bảo, nên từ thuở ấu thơ đã phát tâm quy y với Tổ Pháp Ấn - Như Qưới, Viên chủ Tổ đình Phước Tường. Năm 12 tuổi, do ảnh hưởng tinh thần Phật pháp của gia đình từ thuở nhỏ, nên Hòa thượng sớm giác ngộ đạo pháp, qua đó sau thời pháp thuyết giảng của tổ Pháp Ấn - Như Qưới tại Tổ đình chùa Phước Tường (Thủ Đức, Gia Định). Ngài đã nhận được lẽ thật của cuộc đời, và từ đây Ngài có chí nguyện xuất gia học Phật. Biết được ý chí xuất trần của Ngài nên Tổ Pháp Ấn - Như Qưới nhận Ngài làm đệ tử thế độ và ban cho Pháp úy Hồng Tín, tự Bửu Thành, hiệu Huệ Thành. Sau những năm tháng chuyên cần học đạo, hành trì giới luật, biết được đạo hạnh của Ngài vững vàng, hoằng truyền Phật pháp, năm 1931 Hòa thượng được thọ giới Sa di tại chùa Huệ Nghiêm (Thủ Đức), năm 1934 thọ đại giới tại chùa Phước Thạnh (Tây Ninh). Vào ngày rằm tháng 7 năm 1942 Tổ Pháp Ấn - Như Qưới cử ba vị đệ tử đi hoằng pháp độ sinh. Hòa thượng được bổ nhiệm về trụ trì chùa Long Thiên (TP.Biên Hòa); Hòa thượng Bửu Cảnh – Hồng Đạo về trụ trì chùa Bửu Sơn (Thủ Đức); Ni trưởng Diệu Tánh – Hồng Ân tự Như Thanh về trụ trì chùa Hội Sơn (Thủ Đức).

Từ khi về trụ trì chùa Long Thiên, Hòa thượng Thích Huệ Thành có những đóng góp đáng được sử sách ghi nhận đối với Phật giáo Đồng Nai nói riêng, Phật giáo trong cả nước nói chung, và trong suốt quá trình kháng chiến chống Pháp - Mỹ bảo vệ đất nước. Ngài góp phần đưa Phật giáo nhập thế vào sự nghiệp chung của dân tộc và tạo chỗ đứng trước thời cuộc.

Năm 1944 Hòa thượng Thích Huệ Thành tham gia phong trào cách mạng chống phát xít Nhật và thực dân Pháp. Tháng 8 - 1945, Hòa thượng Thích Huệ Thành cùng với các nhà sư yêu nước hưởng ứng lời kêu gọi của Ủy ban khởi nghĩa bí mật vận động tăng ni, Phật tử tham gia giành chính quyền. Cách mạng tháng Tám ở Biên Hòa thành công có sự đóng góp rất lớn của đông đảo tăng ni, Phật tử.

Sau cách mạng tháng Tám, nhân dân Nam Bộ một lần nữa đi đầu trong cả nước bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp lần thứ hai. Tổ chức Phật giáo có sự phân hóa mới. Nhiều tăng ni, Phật tử hồi cư về vùng tạm chiếm, một số làm việc trong các cơ quan kháng chiến rút về các căn cứ, các chiến khu. Được sự giúp đỡ của Mặt trận Việt Minh tỉnh Biên Hòa, ngày 6-9-1945, Hòa thượng Thích Huệ Thành đứng ra triệu tập Đại hội Phật giáo Biên Hòa, thành lập Hội Phật giáo cứu quốc tỉnh, do Hòa thượng làm chủ tịch, kiêm ủy viên Mặt trận Việt Minh tỉnh. Trụ sở của Hội đặt tại chùa Long Thiền. Từ đó các tổ chức cơ sở của Hội được thành lập ở các quận, huyện và xã trong tỉnh. Sau khi thành lập, các tổ chức Phật giáo cứu quốc từ tỉnh đến cơ sở đã vận động tăng ni, Phật tử tích cực tham gia ủng hộ kháng chiến, tham gia bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, tham gia hưởng ứng “Tuần lễ vàng”, “Tuần lễ kim khí”.

Cuộc kháng chiến chống Pháp ngày một lan rộng. Đến ngày 23-9-1945 có lệnh Nam Bộ kháng chiến, văn phòng ban chấp hành Phật giáo cứu quốc tỉnh và các cơ quan khác của chính quyền cách mạng dời về chiến khu, Hòa thượng Thích Huệ Thành cùng các thành viên khác trong ban chấp hành Phật giáo cứu quốc đều thoát ly vào khu kháng chiến. Trong thời gian kháng chiến, trong vùng tự do hoạt động đều hướng về mục tiêu kháng chiến và sản xuất để phục vụ kháng chiến. Phần lớn tăng ni trong vùng tự do đều trực tiếp lao động trồng lúa, tía bắp, tiếp tế liên lạc hoặc làm công tác xã hội, giáo dục... Tại các vùng tạm chiếm, hoạt động của Phật tử diễn ra sôi động hơn, tăng ni, Phật tử có ý thức rất rõ về cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra trên mọi miền đất nước và tâm hồn họ vẫn hướng về cuộc kháng chiến đó. Bằng mọi cách tăng ni, Phật tử vẫn tìm cách liên lạc, ủng hộ và một số gia nhập kháng chiến... Hòa thượng Thích Thiện Khải chùa Long Thiền đã từng đóng vai thầy cúng, người viết các câu đối cổ bằng chữ Hán len lỏi đi về nội

thành để liên lạc giữa chiến khu với bộ phận hoạt động bí mật trong nội thành. Chính trong thời gian này một số tăng ni bị bắt, bị giam cầm hoặc sát hại.

Năm 1947, các vị cao tăng và Phật tử trong tổ chức Phật giáo cứu quốc các tỉnh, thành phố ra chiến khu Đồng Tháp Mười thành lập ban chấp hành Phật giáo cứu quốc Nam Bộ. Hòa thượng Thích Huệ Thành trụ trì chùa Long Thiên, chủ tịch Phật giáo cứu quốc tỉnh Biên Hòa làm phó hội trưởng và được đề cử làm ủy viên Mặt Trận Liên Việt Nam Bộ. Sau khi ban chấp hành Phật giáo cứu quốc Nam Bộ được thành lập, một số cao tăng ở lại chiến khu để tập hợp tăng ni, Phật tử trực tiếp tham gia kháng chiến, một số cao tăng về vùng tạm chiếm bí mật tổ chức đấu tranh chống thực dân Pháp. Để có một tổ chức hợp pháp đứng ra tập hợp tăng ni, Phật tử hướng về cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược, năm 1952 Phật giáo cứu quốc Sài Gòn- Chợ Lớn phối hợp với Phật giáo cứu quốc Biên Hòa thành lập và mở trường Phật học. Từ đó phong trào đấu tranh của tăng ni, Phật tử chùa Long Thiên nói riêng và Phật giáo Đồng Nai nói chung kết hợp rất chặt chẽ với phong trào đấu tranh của quần chúng và Phật tử ở Sài Gòn, như phong trào cứu đói, cầu nguyện cho hòa bình.

Cuộc kháng chiến chống Pháp diễn ra ngày càng quyết liệt cũng là lúc các tổ chức Phật giáo cứu quốc được thành lập ở tất cả các tỉnh, thành phố, cần có sự phối hợp chỉ huy thống nhất. Sau hiệp định Genève, Tổ Đình Long Thiên lại là trụ sở của Phật giáo Việt Nam lãnh đạo chư tăng Phật tử chống Mỹ cứu nước, phát lời hiệu triệu đình công bãi thị, đòi chính phủ Pháp phải thi hành hiệp định Genève, mở cuộc tổng tuyển cử đúng thời hạn .

Sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước tình hình Phật giáo có nhiều biến đổi. Tăng ni, Phật tử chùa Long Thiên tự hào về sự đóng góp của mình vào sự thắng lợi chung của dân tộc, phấn khởi và tin tưởng vào công cuộc xây dựng lại quê hương đất nước sau bao nhiêu năm chiến tranh tàn phá.

Đất nước độc lập thống nhất thì Phật giáo Việt Nam cũng phải thống nhất trong cả nước. Đó là nguyện vọng tha thiết của mọi tín đồ Phật giáo Việt Nam. Ngày 4-11-1981 lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, hội nghị thống nhất Phật giáo tổ chức tại chùa Quán Sứ (Hà Nội) thành lập giáo hội Phật giáo Việt Nam thông qua Hiến chương và chương trình hoạt động của giáo hội. Hội nghị đã suy tôn các vị cao tăng vào “ Hội đồng chứng minh” và suy cử “Hội đồng trị sự” là hai cơ quan lãnh đạo cao nhất của Trung ương Giáo hội. Tại hội nghị lịch sử này, hai vị cao tăng tiêu biểu cho Phật giáo Đồng Nai tại chùa Long Thiên: Hòa thượng Thích Huệ Thành được suy tôn làm phó pháp chủ Hội đồng chứng minh và Hòa thượng Thích Thiện Khai được suy tôn làm ủy viên Hội đồng. Sự tín nhiệm này đã khẳng định vai trò và vị trí của Phật giáo Đồng Nai trong phong trào Phật giáo chung của cả nước và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đoàn kết thống nhất Phật giáo trong tỉnh.

Chùa Long Thiên là một trong những kiến trúc tôn giáo xây dựng sớm nhất ở Đồng Nai, nơi minh chứng cho sự hiện diện của người Việt ở đất Đồng Nai giữa thế kỷ XVII, là cái nôi của trung tâm Phật giáo sứ Đàng Trong và sự đóng góp đáng kể trong sự nghiệp cách mạng nước nhà. Chính vì vậy, Bộ Văn Hóa- Thông Tin Thể Thao và Du Lịch (nay là Bộ Văn Hóa Thể Thao và Du Lịch) ra quyết định số 1057/VH-QĐ ngày 14 tháng 6 năm 1991 công nhận chùa Long Thiên là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia.

CHƯƠNG 2

DI TÍCH CHÙA LONG THIÊN

NHỮNG GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VĂN HÓA

2.1. Kiến trúc chùa Long Thiên

2.1.1. Không gian cảnh quan và bố cục tổng thể kiến trúc

Từ UBND tỉnh Đồng Nai, đi theo đường Cách Mạng Tháng Tám, qua cầu Rạch Cát và cầu Ghềnh, đến ngã tư Chợ Đồn, quẹo phải đi tiếp trên con đường tráng nhựa liên tỉnh lộ 16 khoảng 1km là đến chùa Long Thiên. Chùa cách trung tâm thành phố Biên Hòa khoảng 1km về hướng Tây, nằm trong khuôn viên khoảng một mẫu tây (1 ha), diện tích chùa khoảng 600 mét vuông, mặt chính quay theo hướng Đông-Bắc, phía trước là sông Đồng Nai bắt nguồn từ cao nguyên Long Biên chảy xuống. Hình thể con sông như con rồng cuộn, từ Gò Rùa, Bửu Long quanh co uốn khúc chảy ngang qua chùa.

Người xưa thường có câu “đất vua, chùa làng, phong cảnh Bụt” do đó việc xây chùa là công việc trọng đại đối với làng quê Việt Nam. Việc chọn đất xây chùa thường bị chi phối bởi quan niệm phong thủy: Vị trí, chỗ ở, thế đất có ảnh hưởng to lớn đối với người sống trên đó. Theo Nguyễn Bá Lăng trong kiến trúc Phật giáo Việt Nam thì xây dựng chùa, phải chọn đất lành, ngày lành, giờ lành. Đất lành là nơi bên trái nên rộng trống, hoặc có sông ngòi, hồ ao ôm bọc, bên phải hồ sơn (tay hổ) nên cao dày, lớp lớp, quay đầu lại, hoặc có hình hoa sen, tràng phan (phướn), có hình rồng, phượng, rùa, rắn. Ấy là đất dương cơ ái hổ. Trước mặt có minh đường hay không có minh đường đều được cả. Nếu được như thế mới có thể hưng hiển được đạo pháp, người trụ trì nảy sinh trí tuệ người thí chủ có công đức lớn, phúc âm đến con cháu.

Theo GS.Trần Lâm Biền, trước hết nơi linh địa là vùng đất tươi tốt, cao ráo, sáng sủa, đẹp đẽ, ở đây sức sống dồi dào, con người cảm thấy sản khoái, yên ổn. Vì ở đó là chỗ hút được sinh lực của tầng trên. Ngoài yếu tố nêu trên

do gắn với tư duy nông nghiệp nên hầu như mọi kiến trúc tôn giáo phải có mối liên quan với yếu tố nước. Người ta tin rằng nước là khởi đầu của mọi nguồn hạnh phúc nông nghiệp, và do nước ở thấp nên thường mang yếu tố âm, còn di tích nổi lên cao, được coi như yếu tố dương. Cả hợp thể trở thành một cặp âm dương đối đãi. Đó là ước vọng và nhằm thông qua thần linh để trở thành một gợi ý cho muôn loài sinh sôi phát triển.

Từ đó xét về vị trí chùa Long Thiên ta thấy chùa tọa lạc trên vùng đất long mạch quý. Trước chùa có sông Đồng Nai, sau lưng chùa có núi Châu Thới tượng hình là tiền châu tước, hậu huyền võ. Phía tả có hàm Thanh Long, phía hữu có lưng Bạch Hổ. Từ chùa tỏa ra quanh vùng, từ Hóa An đến Thạch Hội là “long mạch của Thanh Long” còn mũi Châu Thới dựng lên như cánh đuôi rồng, chùa Long Ân biểu trưng miệng rồng, núi Bửu Phong biểu thị “trái châu” ví như rồng ngậm trái châu. Khí thế long mạch tạo thành cảnh trí thịnh vượng biểu tượng như long châu, đó là địa lý trợ cho ngôi Tổ Đình đời đời vững bền, thịnh vượng.

Thông thường những nơi có chùa tọa lạc phải là những nơi có nhiều cây cỏ thụ, nhiều thứ cỏ hoa ôm bọc các khối kiến trúc. Chùa Long Thiên cũng vậy, những yếu tố phong thủy hội tụ trong thế đất của chùa như vương khí linh mạch. Trước chùa hướng ra sông Đồng Nai hẳn là “minh đường” mà bất cứ ngôi đình chùa nào xây dựng cũng đều lựa chọn.

Vì tín ngưỡng ảnh hưởng quan trọng của thuyết phong thủy nên địa điểm phương hướng và coi ngày, giờ khởi dựng của các chốn Già Lam xưa đều được lựa chọn rất kỹ lưỡng, chùa Long Thiên mặt chính quay theo hướng Đông - Bắc, mà hướng Đông là hướng của các thần. Chùa tọa lạc bên bờ sông Đồng Nai hiền hòa, tươi mát quanh năm, chùa Long Thiên uy nghiêm cổ kính nhưng rất hữu tình. Chùa được bảo vệ bởi hệ thống tường rào xây bằng gạch cao 1m50. Trong đó tường rào bảo vệ hướng Đông - Bắc chùa (phía mặt tiền

chùa hướng sông Đồng Nai) dài 88,850 mét, tường rào bảo vệ hướng Tây - Nam (bên hông phải của khối nhà chính - khu tiếp giáp với các hộ dân) dài 101,67 mét, tường rào bảo vệ hướng Nam (mặt phía sau của chùa tiếp giáp với đường hẻm vào khu vực dân cư) dài 40,540 mét, tường rào bảo vệ hướng Tây (hông bên trái của khối nhà chính - tiếp giáp với đường đất hiện hữu đi vào chùa) dài 93,540 mét.

Cổng chùa xây rất giản đơn, hình chữ nhật với hai trụ xây gạch tô vữa xi măng, hai cánh cửa bằng sắt, phía trên cổng được đổ một tấm đan đắp nổi dòng chữ “Long Thiên Tự”, cổng có kích thước lọt lòng 12 mét.

Ngoài ra chùa Long Thiên còn có cổng nội bộ, cổng này không được mở thường xuyên và chỉ dùng cho các sư trong chùa, cổng thông ra vườn chùa, khu đất này trước đây dùng để làm ruộng, sau này dùng để trồng cây ăn trái như mít, chuối...

Từ cổng vào chánh điện phải trải qua một khoảng sân rộng tráng xi măng, có nhiều cây cổ thụ tỏa bóng mát. Mà trong di tích thì ngôi chùa là công trình văn hóa kết hợp kiến trúc với môi trường sinh thái một cách nhuần nhuyễn, tạo nên cảnh quan có đủ vẻ “đẹp” và chất “thiêng” vừa thu hút mỹ cảm vừa là chỗ dựa tâm linh của mọi người, do đó chùa không chỉ gắn bó với dân làng mà còn gắn bó với khách thập phương xa gần, thậm chí gắn cả với người ở thế giới bên kia nhất là các cô hồn tìm đến nghe kinh để mà siêu thoát. Chùa là kiến trúc tôn giáo, vì thế các cây trong chùa trước hết phải tạo thế giới tâm linh. Trải nhiều đời chọn, người ta tập trung vào một số loại cây chủ yếu. Trước hết là những cây cổ thụ thuộc tầng lớp sinh thái cao, phải được quy hoạch từ nhiều chục năm, thậm chí hàng trăm năm trước, là nhân chứng vật chứng cho thấy đời sống tôn giáo của làng, của xã hội. Chính những cây này đã vươn cành xòe tán áp iu bộ mái và vạt tường chùa, lấy màu xanh tươi của mình làm xiêm áo cho nhà cửa, nó tụ khí trời và thông mạch

đất, đảm bảo sự linh thiên và thịnh vượng cho không gian tôn giáo, giữ yên cơ đồ làng mạc.

Trong sân chùa có tượng thái tử đang cắt tóc để chuẩn bị qua sông, để lại con ngựa và người hầu đang quỳ dưới chân thái tử. Phía phải là cảnh Phật đang thuyết pháp cho năm anh em Kiều Trần Như. Giữa sân dưới gốc cây Bồ Đề có tượng Phật thuyết pháp, phía trước có tượng phật Di Lặc. Kế bên là tượng của hoàng hậu và Thích Ca sơ sinh. Trong sân chùa còn có cây sa la song thọ được trồng gần 100 năm cạnh bên tượng Phật niết bàn, cây này được vị sư bên Ấn Độ ghé thăm và tặng lại chùa Long Thiên.

Sau chùa là khu vườn rộng trồng cây ăn trái và rau quả. Bên tả là nhà lưu niệm và dãy nhà tầng, bên hữu có tượng Quan Âm Nam Hải lộ thiên cao 3 mét, đứng trên hòn non bộ (hòn phổ đà sơn). Sát bên tường rào bảo vệ hướng Đông - Bắc và Nam là dãy nhà sơ cấp phật học và văn phòng của tỉnh hội Phật giáo.

Rải rác trong khuôn viên chùa, dọc theo hông bên tả chánh điện, nhà tổ, nhà giảng, nhà trụ là hệ thống tháp và mộ của các vị trụ trì chùa và Phật tử có công lớn trong việc xây dựng tu bổ chùa Long Thiên (khoảng 20 ngôi tháp, mộ lớn nhỏ).

Tháp số 1: được xây dựng bên hông tiền điện ngay cạnh miếu thờ. Tháp hình lục giác gồm hai tầng, sau lần tu bổ năm 2012 thì tháp gồm 3 tầng, trên có búp sen, có vòng thành bao xung quanh tháp. Tháp số 2: được xây dựng cách tháp số 1 khoảng 3m, cách hông bên trái của chánh điện 2m50 ngay gốc cây Bồ Đề cổ thụ. Tháp hình lục giác gồm ba tầng, có vòng bao xung quanh xây bằng đá ong vữa vôi. Tháp số 3: nằm song song với tháp số 2, tháp gồm ba tầng, nằm ngay cạnh gốc cây Bồ Đề cổ thụ, cách hông trái của chánh điện 5m50. Tháp số 4: nằm bên cạnh lối ra vào chùa hiện hữu, cách cổng chính khoảng 7m, cách hông trái của nhà giảng 20m. Tháp hình lục giác, ba tầng,

tháp không có vòng bao xung quanh. Các ngôi tháp xây bằng gạch thẻ, vữa vôi, trên đỉnh tháp có búp sen, ở mỗi cạnh trên thân của các ngôi tháp đều được trang trí bằng các họa tiết dân gian song đã bị sơn phủ. Sau lần tu bổ gần đây nhất thì trên thân tháp ở tầng hai có khắc chữ Hán.

Đặc biệt có ngôi tháp cổ của tổ khai sơn hiệu Thành Nhạc (tháp số 5): nằm sát hông trái nhà giảng, tháp có hình lục giác, ba tầng xây bằng gạch thẻ vữa vôi, trên đỉnh tháp có búp sen. Mỗi cạnh được trang trí các họa tiết hoa văn theo tính ngưỡng dân gian, các đề tài Phật giáo nhưng bị sơn phủ mờ, có bia đá được sơn màu đỏ, có khắc chữ Hán, tháp có vòng thành bao quanh.

Nằm cạnh bên hai cây sứ là tháp của Yết Ma Thiện Niệm (tháp số 6), tháp hình lục giác, có ba tầng, hai tầng dưới có khắc chữ Hán, tầng ba và đỉnh tháp có hình tượng Phật.

Cạnh bên tháp số 6 là tháp của Hòa thượng Thích Huệ Thành, (tháp số 7). Tháp gồm hai phần, phần trước là bia, trên bia có khắc chữ Hán, bốn trụ cột xung quanh bia có trang trí rồng quấn quanh. Phần sau là phần tháp, có vòng thành bao quanh trang trí hình hoa sen, ghi lịch sử, quá trình xuất gia học đạo và công đức của Ngài để đời sau noi theo. Tháp hình lục giác, gồm 3 tầng, tầng thứ nhất có khắc chữ Hán, hai tầng trên là hình Phật. Trên vành tai của tháp có trang trí hoa văn hình âm dương, rồng, hoa sen.

Ngài ra còn có 2 ngôi mộ cổ gọi là “mộ song hôn”, theo truyền thuyết là mộ của vị đại thần và phu nhân có công với việc khai hoang lập ấp và xây dựng Long Thiên tự, mộ được xây dựng bằng ô dốt (vôi hợp chất) rất chắc chắn, hiện nay đã mất phần mộ bia vì quá lâu đời.

Cùng với thế đất và các vấn đề liên quan khác, người Việt còn quan tâm nhiều tới cây cổ thụ, vì thế trong sân chùa Long Thiên ta thấy trồng nhiều cây cổ thụ, trong đó mỗi cây đều mang một yếu tố triết học Phật giáo riêng.

Cây Bồ Đề cổ thụ cũng là một trong những tài liệu gốc khi nghiên cứu về lịch sử tổ đình Long Thiên. Theo Thượng tọa Thích Huệ Hiền, Phó ban Trị sự Phật giáo tỉnh Đồng Nai – trụ trì chùa Long Thiên: Cây Bồ Đề do các tổ sư trụ trì trước đây trồng có tuổi thọ trên một trăm năm. Ngoài ý nghĩa lịch sử, cây Bồ Đề trong ngôi chùa còn mang một ý nghĩa tâm linh của Phật pháp. Cây mang biểu tượng về sự giác ngộ Phật pháp, gốc chữ Phạn là Bodhi - nên chữ Bouddha là để chỉ về người giác ngộ Phật pháp, trong giáo lý nhà Phật có ghi rõ rằng: Khi đức Thích Ca thành đạo, Ngài đã ngồi thiền định dưới cội Bồ Đề. Trong chùa Việt cây Bồ Đề đã mang tư cách như một yếu tố tạo sự thức tỉnh với mọi chúng sanh rằng: Trước khi vào đất Phật cần phải dọn mình sao cho tâm thanh lòng tĩnh, nhờ đó mà tuệ sinh mới khai mở được chân tâm vị diệu để thấy Như Lai. Như thế cây Bồ Đề vừa tôn vẻ thiêng vừa tạo vẻ đẹp cho di tích. Trong sân chùa Long Thiên cũng trồng nhiều cây sứ, có người còn gọi là cây đại, người Chăm và các bộ tộc ở Lào gọi là cây Chăm-pa, được xem là cây hoa thiêng. Tên Hán Việt là cây hoa Điều Mật như hướng về sự thăng hoa và thăng hóa. Cái tên “đại” nôm na cũng là một thuật ngữ nhà Phật từ tiếng Phạn Maha, nghĩa là rộng khắp, bao hàm tất cả, nổi bật hẳn lên, có ở mọi thể mọi vật, là đức tính và trí tuệ của Phật, là sự màu nhiệm kỳ diệu không thể nghĩ và bàn tới được... với ý nghĩa sâu xa trên, cây sứ thường được trồng ngay trên đường vào chùa, hay trồng nhiều vị trí khác nhau nhưng đều trên sân chính của chùa, cuối xuân cho đến đầu thu trở lá to dài, mượt, xen với chùm hoa trắng, tỏa hương thơm nức, đến mùa lạnh, rụng hết lá trở cảnh như một rừng sừng hư mập búp tua tua lên trời như hút sinh lực từ vũ trụ để truyền cho đất. Ở đây cây sứ gắn bó mật thiết với kiến trúc là cái mạng nối kiến trúc với khoảng không vũ trụ, tạo cho không gian thiên trở nên vời vợi và sâu lắng diễn tả được cái cao siêu mà ngôn ngữ thường bắt lực

Tổng thể kiến trúc của chùa được bố trí theo dạng chữ Tam, đây là dạng kiến trúc phổ biến tại Miền Nam. Về tổng thể kiến trúc và không gian cảnh quan chùa Long Thiền không đồ sộ to lớn như một số ngôi chùa ở miền Bắc. Do ảnh hưởng điều kiện khí hậu nên góc mái chùa không cong vút như đầu đao của các ngôi chùa Miền Bắc mà ở đây vuông bằng sắc cạnh để phù hợp với thời tiết mưa nhiều ở Miền Nam.

Với môi trường thiên nhiên và môi trường xã hội ấy, ngôi chùa vừa hòa nhập với cảnh quan vừa nổi trội lên trong cảnh quan, nó là điểm sáng đột khởi của toàn cảnh. Song cây ở chùa thường là những cây cổ thụ quanh năm tươi tốt, cái không gian ấy quen thuộc và đầy bí ẩn, mỗi buổi bình minh hay khi chiều tà nghĩa là lúc giao thời sáng và tối tiếng chuông ngân lên như phá điềm mê như xua niềm tục, gọi ra cái gì mệnh mang, sâu lắng trong tâm khảm từng người.

2.1.2. Kết cấu kiến trúc và trang trí.

• Kết cấu kiến trúc.

Nguyên liệu xây dựng chùa của người Việt chủ yếu là gỗ. Xu hướng dùng gạch xây dựng, mang tính chất phổ biến chủ yếu từ cuối thế kỷ thứ XIX đầu thế kỷ XX. Về mặt kỹ thuật chất liệu gỗ không cho phép sự vươn cao của kiến trúc. Chùa Long Thiền được xây dựng từ giữa thế kỷ XVII, lúc mới xây dựng làm bằng gỗ thường vách ván, mái lợp lá dứa nước, sau này có xây dựng lại nhưng trong thời chiến tranh, cùng với nạn thủy, hỏa nên, chỉ còn có bộ khung sườn gỗ, đến thế kỷ XX mới được trùng tu lại và vẫn sử dụng những cột gỗ còn tốt trong lần trùng tu này, do đó chùa Long Thiền được xây dựng với cả hai chất liệu: gỗ và xi măng.

Ngôi chùa cổ Việt Nam dù bằng chất liệu gì đi nữa cũng có những nét nghệ thuật rất phong phú gọi lên những giá trị văn học cao. Trước hết, cái đẹp ở đây không phải là sự phong phú về khối hình và đường nét bên ngoài của

công trình. Kiến trúc dân gian Việt Nam đâu có tìm cách bộc lộ mình, mà ngược lại, như muốn hóa thân vào thiên nhiên. Vẻ đẹp thẩm mỹ của kiến trúc ta có thể nhận rõ hơn qua nội thất các công trình. Vẻ đẹp tự thân của hệ cấu trúc truyền thống, với tính khúc chiết, trong sáng và đơn giản của thể chịu lực, tính hợp lí, hài hòa trong sự kết hợp giữa kết cấu và trang trí điêu khắc.

Kiến trúc chùa miền Nam không đồ sộ, cao lớn với đầu đao cong vút như các ngôi chùa miền Bắc. Điều kiện đã hình thành nên phong tục tập quán, nhân tố quyết định kiểu dáng cấu trúc hầu hết chùa đình ở phương Nam, yếu tố mưa nhiều lượng nước mưa lớn trong một mùa nhất định đã được thích nghi với ứng dụng trong việc xây dựng nhà cửa, cũng như đình chùa sao cho nước mưa rút nhanh. Chính vì vậy mái chùa thường có độ dốc thấp dần về phía các đầu góc mái, lớp ngói âm dương hay máng xối của góc mái thường được trang trí hình lân hay hình rồng vừa có tác dụng thẩm mỹ vừa là nơi thoát nước mưa lý tưởng.

Kiến trúc chùa Long Thiên với mặt bằng tổng thể theo kiểu chữ Tam (Ξ), chính điện với kiểu nhà dân gian truyền thống ba gian hai chái, bốn cột chính còn gọi là tứ trụ hay tứ tượng. Đây cũng là kiến trúc truyền thống của chùa Nam Bộ. Kiểu nhà tứ trụ là kiểu kiến trúc nhà rường, đây là một trong hai kiểu kết cấu phổ biến của kiến trúc Đàng Trong. Cái khác của tứ trụ và nhà rường dân dụng là 4 cây cột cái, bố trí cách đều nhau ở bốn góc 1 hình vuông, các kèo đấm và kèo quyết đưa đều ra 4 hướng tạo thành một ngôi nhà vuông vức và không thiên lệch về kích cỡ cho bốn phương tám hướng, xác lập một không gian trung tâm ở giữa là quan trọng nhất, thay vì hình chữ nhật của nhà rường dân dụng. Do đó nhà tứ trụ là kiến trúc để thờ thần, thờ Phật và không ai cả gan làm một ngôi nhà theo kiểu tứ trụ để ở. Cũng theo lý giải của nhà nghiên cứu Huỳnh Ngọc Trảng không gian vuông vẫn ấy là kiểu trúc của một ngôi tháp - bắt nguồn từ âm của từ stupa và caitya (nguyên nghĩa là gò,

đồng, ụ đất co và tháp đài) để chứa đựng hài cốt người chết, đặc biệt là xá lợi của Phật. Trong sự du nhập tiến hóa từ stupa và caitya trở thành “chùa chiền”.

Từ sân bước lên bậc tam cấp lên chùa. Chùa gồm các phần: Chánh điện, nhà thờ Tổ, giảng đường và nhà khách, nhà trù (bếp) nối tiếp nhau.

Từ thềm nhìn vào, ta nhận thấy sự bề thế, uy nghiêm đầy vẻ hưng thịnh của chùa. Toàn bộ mặt trước của chùa gồm 12 trụ cột, tiền sảnh rộng khoảng 1,6m, dài 12,8m. Hai bên đầu hồi bề rộng 1m (chạy suốt chiều dài của chùa), xung quanh có tường xây bằng gạch cao 1m, trang trí các hoa văn.

Đi vào trong chánh điện qua 2 cửa đối xứng nhau, cửa rộng 2m, cao 2,5m, gồm 4 cánh cửa bằng gỗ sơn màu nâu nhạt. Mặt tường tả, hữu mỗi bên có 2 ô cửa sổ (dài 1,4m x rộng 1,2m) chắn song bằng sắt gồm 2 cánh cửa bằng gỗ kiểu lá cách.

Chánh điện có diện tích 112 m² (dài 9,3m x rộng 12m) gồm 2 lớp mái lợp ngói. Nền cao 1m, xây bằng đá ong, lót gạch bông (20cm x 20cm). Tường xây bằng gạch thẻ, vôi, cát. Cột chống đỡ bằng xi măng và gỗ sao, có đường kính lớn. Bộ khung vì kèo làm bằng gỗ tốt, không có chạm khắc gì. Kết cấu “vì kèo” với hai kẻ cùng gian đặt chéo nhau, ăn mộng đỡ thượng lương rồi chạy xuống đầu cột cái. Chỗ tiếp giáp với hai kẻ là nơi đặt của một trụ trốn.

Chánh điện chia làm 3 gian bằng nhau bởi hàng cột tròn Ø 300. Hàng cột ngoài bằng xi măng giả gỗ cao 4,5m. Chân cột kê trên bệ xi măng hình trụ cao 0,4m. Hàng cột trong bằng gỗ cao 6,5m, chân cột cũng được kê trên trụ xi măng.

Từ chánh điện đi sang Tổ đường bằng 2 cửa đối xứng (cao 2,3m x 1,2m). Tổ đường có diện tích 57,6m² (12m x 4,8m) gồm phần mái sau của khu chánh điện. Nền lót gạch bông (20cm x 20cm).

Tiếp nối với Tổ đường, là giảng đường được phân biệt bởi khung nền thấp hơn 0,1m. Diện tích 205,2m² (dài 17,1m x rộng 12m) gồm 1 gian mái, đồ

bê tông cốt thép kiên cố và căn nhà 5 gian thoáng rộng. Giữa các gian được phân biệt bởi hàng cột gạch tô vôi vuông cạnh 0,4m. Hai mái lợp ngói vảy cá. Nền cao 0,3m xây bằng đá xanh, lót gạch bông (20cm x 20cm). Ba mặt tường xây bằng gạch thẻ, vôi, cát ... có 2 cửa ra vào chính ở mặt tường tả hữu. Cửa (rộng 1,2m x 2,3m). Bộ khung vì kèo bằng xi măng, không có chạm khắc.

Sau giảng đường là nhà khách, nhà trù (bếp): có diện tích 276m² (dài 23m x rộng 12m) gồm 2 mái lợp tấm tôn xi măng. Nền cao 0,4m, tráng vữa và lót gạch tàu (30 cm x 30 cm). Tường xây bằng gạch thẻ tô vôi, bộ khung vì bằng xi măng trên không có chạm khắc gì.

• *Trang trí kiến trúc*

Toàn bộ mặt trước của chùa gồm 12 trụ cột, trong đó 6 trụ cột có khắc chữ Hán nổi bằng sành nhiều màu. Hai trụ giữa có kiến trúc giống nhau, xây bằng gạch tô vôi, bên ngoài không có chạm khắc gì. Bốn trụ cột còn lại, có kiến trúc giống nhau, bề mặt ghép sành nhiều màu tạo thành ô hình thoi. Hai trụ cột ngoài cùng có khắc 2 câu liễn đối, phiên âm:

Long Đức xuân trường thịnh thế hưng hoàng đạo mạch.

Thiền tông vĩnh phát hòa quang tế độ nhân sinh.

Tạm dịch:

Đức quý trường xuân (như đường núi phát triển) phồn thịnh cho đời đời.

Chón thiền tông như hào quang sáng mãi tế độ nhân sinh.

Tiếp theo là hai trụ kê bên với cặp liễn đối, phiên âm:

Long tăng hội khởi huyền có nhân nhân thú hưởng.

Thiền trường khai minh hào chí chúng chúng quy sùng.

Tạm dịch:

Nơi tu hành hội tụ tốt đẹp, mọi người phấn khởi hưởng theo.

Cửa thiền soi sáng nơi tâm tối, muôn người sùng kính quy thuận.

Cuối cùng là hai trụ kế giữa với hai câu đối, phiên âm:

Long Thịnh hòa quang tuệ liễu tứ hoàng đại nguyện.

Thiền khai thượng đạo thánh minh tam tụ viện xúc.

Tạm dịch:

On huệ tốt lành tỏa sáng lời cầu nguyện khắp nơi

Chón thiền mở lối sáng tỏ cho muôn nơi toàn vẹn.

Phần trên các cột là đề tài trang trí theo từng mảng. Trên cùng là biểu tượng rồng châu trái châu. Hai bên là cặp lý ngư hoá long, mặt nhật, mặt nguyệt. Ngoài cùng là cặp phụng làm bằng chất liệu xi măng sơn màu. Phía dưới là những ô hình chữ nhật đắp nổi nhóm tứ linh, dây hoa lá, và cuối cùng là đề tài Bát tiên.

Giữa chánh điện từng hàng cột trên xà ngang đều có treo hoành phi bằng gỗ, nền đỏ, khắc chữ Hán màu vàng. Từ chánh điện đứng quay vào, bên trái có bức hoành phi, phiên âm:

Phật nhật tân uy

Tạm dịch:

Phật ngày ngày càng tăng thêm.

Bên phải là bức hoành phi, phiên âm :

Pháp luân thường chuyển

Tạm dịch:

Bánh xe Phật pháp luôn xoay chuyển

Ở giữa hai cột là đề long châu ngọc.

Từ chánh điện đứng quay ra: bên trái là bức hoành phi, phiên âm:

Quốc thái dân an

Tạm dịch:

Đất nước thái bình người dân yên ổn

Bên phải là bức hoành phi, phiên âm:

Phong điều vũ thuận

Tạm dịch:

Mưa thuận gió hòa

Ở giữa là: Long Thiên tự

Hàng cột trong của chánh điện bằng gỗ cao 6,5m, chân cột được kê trụ xi măng. Trên cột treo cặp liễn chữ Hán màu vàng. Đường viền xung quanh chạm khắc hoa lá sơn son thếp vàng. Giữa 2 cột là bao lam bằng gỗ điêu khắc đề tài Thập Bát La Hán, cùng với rồng cuộn mây, mỗi bên là 9 vị, ở giữa là Phật

Phiên âm:

Long địa phát trung hưng cảnh phúc đường quang vạn tải như chân đa thú vị.

Thiên cơ khai đại đạo thiên đài phổ chiếu ức niên giác tính mãn Hình Hương.

Tạm dịch:

Nơi đất quý phát sáng muôn đời cảnh ấm no, hạnh phúc yên lành thật thú vị.

Đất thiên mở đài cao đường lớn soi tỏa ngàn năm hương thơm cho giác tính.

Từ Chánh điện đi sang Tổ đường bằng 2 cửa đối xứng (cao 2,3m x 1,2m). Trên tường vẽ một số tranh Phật tích bằng bột màu. Gian tả, hữu thờ các bài vị của sư trụ trì đã tịch và vong linh những người đã khuất. Giữa từng hàng cột trên xà ngang có bức trang trí bức hoành phi, phiên âm :

Truyền đăng tục đạo

Bảo thụ bồ Đề

Tạm dịch hai câu này là :

Ánh đèn truyền tỏa đưa đường dẫn lối.

Cây bồ đề quý báu.

Bao lam ở nhà tổ với đề tài long, lân, quy, phụng ở hai bên, ở giữa là long châu nhật. Cảnh bao lam có hai câu đối, phiên âm:

Sư ân vĩnh chấn hải chúng lạc an hoài.

Tổ đức trường xuân thiên mãn thường thành đạt.

Tạm dịch :

Còn hoài ân thầy chúng trong chùa đều được an lạc.

Tổ đức có được lâu dài thiên mãn được thịnh đạt.

2.2. Hệ thống tượng thờ và các di vật

2.2.1. Tượng thờ

Chánh điện bao giờ cũng là trung tâm của sự thờ cúng trong chùa. Ở đây có nhiều lớp bàn thờ làm thành bậc từ cao xuống thấp. Vị trí các tượng được thay đổi linh hoạt theo từng chùa. Các bàn thờ được sắp xếp theo nguyên tắc sau: Lớp bàn thờ cao nhất ở sâu trên cùng, sau đó các lớp bàn thờ đặc tượng cứ thấp dần, tiếp sau lớp bệ thờ cuối cùng bao giờ cũng là hương án. Nguyên tắc bài trí khá uyển chuyển và linh hoạt với mỗi chùa, nhưng vẫn có một số nét chung.

Theo tài liệu của Giáo hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai do Hòa Thượng Thích Trí Tấn viết năm 1990 : "Vào trong chánh điện, sự thờ phượng theo kiểu cổ xưa, có hai pho tượng Tam Thế Phật bằng đồng, bề cao lồi một thước, kế đó có bốn vị: hai tượng Đức Địa Tạng, hai tượng Đức Hộ Pháp đều bằng đồng. Bên tả thờ Già Lam và Ngũ Diệp. Bên hữu thờ Linh Sơn và Thập Điện. Phía ngoài thờ Tiêu Diện Đại Sĩ và Tam Châu Hộ Pháp cùng Đức Thiên Thủ Thiên Nhân bằng gỗ và đức xi măng. Nhất là ở chánh điện có thờ tượng Đức Phật A Di Đà, Đức Phật Thích Ca thỉnh từ Campuchia về và tượng Ngọc Hoàng. Vì là ngôi Tổ đình xưa, nên có nhiều tượng bằng đồng".

Hồ sơ khoa học di tích chùa Long Thiên có ghi : " ...chánh giữa thờ A Di Đà, Thích Ca, Ngọc Hoàng, Tam Thế Phật, Đức Địa Tạng, ông Tiên... và các Bồ Tát".

Theo Đại đức Thích Thiện Nguyễn trong coi và quản lý tại chùa Long Thiên thì các tượng đó đã bị thất thoát, nhưng không rõ thờ gian nào. Các pho tượng bằng đồng không còn nữa chỉ còn tượng A Di Đà và tượng Ngọc Hoàng bằng gỗ, còn lại được thay bằng hệ thống tượng xi măng, thạch cao. Còn theo thượng Tọa Thích Huệ Hiền trụ trì chùa Long Thiên thì còn 2 tượng A Di Đà có thể là bằng đồng nhưng cũng không xác định được chính xác. Việc để thất thoát và không nắm được hệ thống tượng thờ ở chùa, đây là vấn đề có ảnh hưởng rất lớn đến di tích.

Hệ thống tượng thờ ở chánh điện của chùa sau khi Hòa thượng Thích Huệ Thành viên tịch (2001) thì được sắp xếp như sau :

Bệ thờ chánh điện (cao 3m x 2,8m x 2,6m) xây bằng gạch xi măng gồm 4 bậc. Bề rộng mỗi bậc là 0,5m, cao 0,4m. Tầng trên cùng là thờ Phật Thích Ca Mâu Ni, tầng thứ hai là thờ "Di Đà Tam Tôn" gồm tượng phật A Di Đà ở giữa, tượng Bồ Tát Quan Thế Âm ở bên trái, và tượng Bồ Tát Đại Thế Chí ở bên phải, đứng trên tòa sen.

Dưới ba pho tượng Di Đà Tam Tôn là tượng Phật Thích Ca Mâu Ni và hai đệ tử của Thích Ca Thích Ca là Ca Diếp và A Nam Đà. Tầng dưới có tượng Dược Sư Phật, gồm 7 vị, là các vị Phật thường ủng hộ cho con người tiêu tai, trừ bệnh. Đây là những vị Bồ tát "Tùng địa dũng xuất" có nghĩa là vượt lên từ đất để cứu độ chúng sanh. Tại Nam Bộ cư dân mới đến, do chưa phù hợp với phong thổ, dễ bị bệnh dịch hoành hành, trong bối cảnh đó Dược Sư Phật tạo cho người dân niềm tin được chữa lành bệnh, được sống bình yên và hạnh phúc. Dưới cùng là Phật Thích Ca Mâu Ni sơ sinh. Theo truyền thuyết, khi Ngài giáng sinh có chín con rồng xuống phun nước cho Ngài tắm.

Ngài tẩm xong tự đi bảy bước về phía trước, tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất "thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn" (trên trời dưới trời chỉ có mình ta)

Bên tả chánh điện thờ Già Lam và Ngũ Điện. Bên hữu thờ Linh Sơn và Thập Điện.

Đối diện nơi thờ chính (mặt tường ngoài cửa) là một bàn thờ xi măng hai bậc (cao 1.3m x 1.8m x 1m) thờ vị Tiêu Diện Đại Sĩ, Tam Châu Hộ Pháp cùng đức Thiên Thủ Thiên Nhãn.

Nhà tổ: Chính giữa thờ Tổ Đạt Ma và Lịch Đại Tổ Sư trên bệ xi măng 4 bậc (rộng 3,6m, ngang 1,4m, cao 2,5m). Trên tường vẽ một số tranh Phật tích bằng bột màu. Gian tả, hữu thờ các bài vị của sư trụ trì đã tịch và vong linh những người đã khuất.

Giảng đường thờ Phật Chuẩn Đề, cao một thước rưỡi, 18 tay cầm hộ pháp. Ngoài Phật Chuẩn Đề còn thờ Giám Trai, ông là người bửa củi trong chùa sau này đã thành Phật.

Tượng Phật Chuẩn Đề và đức Thiên Thủ Thiên Nhãn đây là hai hình thức hóa thân của Quan Thế Âm Bồ Tát. Trong quan niệm Phật giáo, Người là vị Phật chống lại các thế lực xấu, có nghìn tay nghìn mắt. Mười tám tay lớn cầm pháp khí, trong lòng các bàn tay còn lại đều có một con mắt để nhìn thấu khắp chúng sinh và phân biệt các thế lực xấu để loại trừ mang lại bình yên hạnh phúc cho chúng sinh bá tánh.

2.2.2. Các di vật khác

Trong chùa ngoài hệ thống các tượng thờ còn có các di vật khác:

Có các tháp dựng xá lợi của Phật từ Ấn Độ mang sang được đặt ở ngay bệ thờ của chánh điện, mỗi bên đặt 3 tháp trong tủ kính. Ở chánh điện còn đặt hai tủ đựng kinh sách.

Lư hương, chân đèn được làm với nhiều kích cỡ và chất liệu khác nhau. Đa số là được chế tác gần đây và được bày biện trên tất cả các bàn thờ của toàn bộ ngôi chùa.

Pháp khí : Trong các chùa Phật giáo để thực hiện nghi lễ một cách trang nghiêm, hài hòa cùng với lời kinh đọc tụng, trang phục cúng lễ còn có pháp khí. Pháp khí Phật giáo phong phú và đa dạng là một trong những yếu tố góp phần mang lại nét mới mẻ, sinh động cho văn hóa Phật giáo, làm rõ thêm tính địa phương, tính lịch sử dân tộc. Trong chùa Long Thiên pháp khí đa số là bằng gỗ như : mõ, chung, chuông, trống, và các vật dụng sinh hoạt trong môn ứng phú khi làm lễ cầu siêu.

- Phía tả chánh điện là một đại hồng chung cao 1,2m (cả quai) đường kính 0,5m, có trang trí hình rồng. Phía hữu là một trống da cao 1.2m. Hai hiện vật này, được lưu giữ từ lúc khai sơn chùa đến nay. Ở mọi thời đại, chuông dùng để thất tỉnh và gọi. Tiếng chuông ngân lên rồi tắt lụi, có thể nghe được mà không thấy được. Sự vô thường của thế giới hiện hữu là một tư tưởng của Phật giáo. Mọi thứ đều sẽ tàn lụi chúng hiện hữu trong cảm giác người quan sát nhưng không có thực. Giống như tiếng chuông, mọi thứ đều nhất thời. Theo tín ngưỡng Phật giáo chuông dùng để kêu gọi tín đồ cầu nguyện và lễ Phật.

2.3. Chùa Long Thiên trong đời sống văn hóa cộng đồng.

Đây là một trong những ngôi chùa cổ trên đất Đồng Nai, nó trở nên quen thuộc với nhiều thế hệ người dân trên vùng đất này. Kể từ ngày được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia chùa còn mang đến cộng đồng nhiều đóng góp hơn nữa nhất là về mặt tinh thần.

Chùa là nơi để con người nương tựa về mặt tinh thần, con người đến với Phật để tìm được sự bình yên, thanh thản trong cuộc sống thường ngày đầy bôn ba chạt vật, cửa Phật luôn rộng mở đón tiếp con người với lòng từ bi, hi

xả, cứu độ chúng sinh. Chùa Long Thiên thường tổ chức bố thí gạo, muối, đường, quần áo...quyên góp từ gia đình Phật tử, các nhà hảo tâm và tiền cúng công đức để cho những người nghèo khó trong vùng sau ngày lễ Vu Lan 15/7 âm lịch. Phần quà ủng hộ là không lớn nhưng đây là việc làm có ý nghĩa thật to lớn của chùa tuy chỉ giải quyết phần nào nhu cầu về vật chất cho người nghèo nhưng chùa đã đóng góp phần lớn lao nhu cầu về tinh thần cho họ, và chùa trở thành điểm dựa tinh thần của họ trong cảnh khó khăn.

Tại chùa các ngày lễ được tổ chức thường xuyên nhưng giảm lược một số nghi thức góp phần tiết kiệm thời gian, tiền bạc của người dân. Các buổi lễ có tính chất định kỳ hàng ngày, hàng tháng, hàng năm hay theo mùa.

Lễ Vu Lan được tổ chức đúng vào lễ Trung Nguyên (rằm tháng 7) lễ được tổ chức long trọng. Thuật ngữ “Vu Lan” ra đời từ Kinh Vu Lan Bồn (Ullambana), đúng ra nên gọi là ngày báo hiếu. Ở nhiều kinh Phật, quan trọng nhất là kinh Đại Báo Phụ Mẫu Trọng Ân, đã nhắc nhở người con phải biết báo ân cha mẹ “có hai việc làm cho phàm phu được công đức lớn, được quả báo lớn, đó là phụng sự cha và phụng sự mẹ (Kinh Tăng Nhất A Hàm)”. Do đó lễ Vu Lan tại chùa Long Thiên cũng được gọi là lễ báo hiếu, được tổ chức trọng thể để cầu nguyện cho ông bà cha mẹ được siêu độ. Các đệ tử nhà Phật tổ chức lễ này tại gia đình. Tại chùa thì tổ chức cúng tế cô hồn, có lập đàn chuẩn tế thí thực. Những ngày này các sư trưởng thực hành những lễ cầu vong, phá ngục, giải oan rất có bài bản. Đàn dựng lên được gọi là đàn Mông Sơn, bàn bày biện gọi là bàn chúng sinh. Lễ chuẩn tế tổ chức suốt ngày, chủ yếu là vào buổi chiều, có khi kéo dài đến tận khuya. Nghi thức ở đây là tuân theo khoa Nghi Du Già của Mật giáo.

Lễ Phật Đản (15/4) đây là ngày lễ giáng sinh của Phật. Đầu tiên là lễ tắm Phật, tiếp đó là lễ phóng sinh. Vào ngày này cũng là mùa An Cư Kiết Hạ (3 tháng) các chư tăng về chùa tu học, trao dồi giới đức.

Đây là hai lễ tiêu biểu ở chùa, ngoài còn có các ngày lễ khác cũng là lễ chính tại chùa:

Lễ sám hối, một tháng tổ chức 2 lần vào ngày 14 và 30 âm lịch các tăng ni, Phật tử ngồi xét lại những hành động trong thời gian đã qua, nếu có phạm lỗi thì tự sám hối và tự kiểm trước các tăng sĩ.

Lễ chúc tán được tổ chức vào khuya 2 ngày 14 và 30 âm lịch, lễ này nhằm nhắc nhở công ơn các thế hệ thầy Tổ và các thế hệ đi trước, và cầu cho quốc thái dân an, dân làng no đủ, cuộc sống bình an.

Lễ cúng sao giải hạn : Năm cũ cùng với những điều không may mắn đã qua đi, đầu năm mới vào ngày 8 và ngày 9 tháng giêng chùa tổ chức lễ cúng sao giải hạn nhằm cầu an cho mọi người. Người dân trong vùng và nhiều nơi đến đọc kinh, niệm Phật cầu an, giải hạn, cầu mọi điều may mắn, an lành sẽ đến với họ và gia đình trong năm này.

Lễ Cầu An vào rằm tháng giêng: cầu cho quốc thái dân an, cuộc sống được bình an, no đủ.

Ngoài các lễ trên chùa còn có các ngày quý kỵ (ngày giỗ) của Hòa Thượng Thích Huệ Thành 24/4 âm lịch, ngày giỗ Tổ 18/12 âm lịch, có rất đông thiện tâm tín hữu, tăng ni Phật tử đến cúng bái.

Trong những ngày lễ người ta thường thắp hương, vì theo quan niệm của dân gian hương bay lên như sợi dây nối kết giữa thế giới thực tại với thế giới tâm linh, người khuất mặt sẽ chứng cho những gì mà chúng ta cầu nguyện. Khi làm lễ ở các chùa, người dân thường thắp 3 nén hương và lạy 5 lạy hoặc vái 5 vái.

Con số ba khá phức tạp, luôn được viện tới trong rất nhiều vấn đề của cuộc sống, như vũ trụ có ba tầng, tam ngôi thánh thiện, tam vị thất thể, tam giáo đồng nguyên...Người Việt đã từng nhận thấy đó là con số vừa để biến đổi vừa để cân bằng. Số ba là số lẻ, lẻ thì động chuyển nhờ đó mà biến đổi và

phát triển...cho nên thấp ba nén hương như mong gửi tất cả tâm hồn mình lên chư vị thần linh để cầu được hộ trợ nhằm giải thoát khỏi những uẩn uất, mắc mó đang dày vò trong tâm tư và cuộc đời.

Thấp hương theo cách ấy còn để tuân theo điều căn dặn của đạo Phật:

- Thấp 3 nén hương để tỏ ý thức về sự tam quy, hướng về ba điều quy: Phật, Pháp và Tăng.

- Lậy 5 lậy để tỏ ý thức về ngũ giới là 5 điều phải tránh: sát sinh, nói dối, trộm cướp, tà dâm và uống rượu.

Thông qua các hoạt động từ thiện và các ngày lễ Phật giáo, chùa đã phần nào mang lại cuộc sống ấm no và an lành cho người dân. Đây là sợi dây vô hình gắn kết đạo với đời, giáo lý Phật giáo với cuộc sống con người, thể hiện tinh thần nhập thế sâu sắc của Phật giáo.

CHƯƠNG 3

VẤN ĐỀ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH CHÙA LONG THIỀN

3.1. Vấn đề bảo tồn và phát huy giá trị di tích chùa Long Thiền

3.1.1. Cơ sở pháp lý

Trong suốt những thế kỷ qua con người đã sáng tạo và để lại ở nhiều vùng khác nhau của thế giới những di tích lịch sử, song chúng ta không thể giữ lại tất cả những gì có liên quan đến lịch sử, những biến thiên lịch sử đã dẫn đến sự phá bỏ và xem thường những di tích đó. Những di tích hay tổng thể di tích trong những điều kiện bình thường của sự phát triển xã hội cũng có thể bị mất đi trong một hoàn cảnh nào đó, bởi vì người ta có thể nhận biết rằng, những công trình được xây dựng lên chỗ đó có lợi hơn về mặt kinh tế xã hội. Lại có nhiều trường hợp cảnh quan thiên nhiên và môi trường xã hội bị phá hủy do nhiều nguyên nhân mà không có khả năng để bảo vệ nó, mặc dù nó có giá trị. Nếu không có một chương trình kế hoạch dài hạn thì những trường hợp tương tự sẽ xảy ra, ở nhiều nơi việc phá hủy di tích và cảnh quan diễn ra dần dần và chỉ khi nào thấy nó biến mất mới nhận ra sự cần thiết này. Trong điều kiện kinh tế xã hội phát triển nhanh chóng, đặc biệt là sự phát triển dân số và đô thị thì cá nhân riêng lẻ khó có thể bảo vệ được di tích. Bởi vậy cần có những văn bản pháp lý, làm cơ sở pháp lý riêng, để các tổ chức cơ quan và tổ chức nhà nước áp dụng biện pháp có hiệu lực để bảo vệ di tích có hiệu quả.

Di sản văn hóa là tài sản vô giá của một quốc gia, dân tộc, của cả nhân loại. Nó được hình thành dựa trên nền tảng văn hóa truyền thống lịch sử và quá trình đấu tranh lâu dài. Giữ gìn di sản văn hóa chính là góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nó có vai trò to lớn trong quá trình dựng - giữ và phát triển đất nước.

Nhận thức được tầm quan trọng của di sản văn hóa và việc bảo tồn các di sản ấy nên ngay từ buổi đầu giành được độc lập năm 1945, dù phải đối mặt với muôn vàn khó khăn chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành sắc lệnh 65/SL vào ngày 23/11/1954. Đây là pháp lệnh đầu tiên có ý nghĩa trong việc khơi dậy giá trị và tầm quan trọng của việc bảo tồn di tích lịch sử. Mở đầu sắc lệnh nhấn mạnh "Xét rằng việc bảo tồn cổ tích là việc rất cần cho công việc kiến thiết nước Việt Nam". Sắc lệnh đã nêu lên tầm quan trọng của việc gìn giữ và bảo tồn di tích lịch sử cho sự nghiệp xây dựng đất nước. Sắc lệnh coi toàn bộ di tích lịch sử văn hóa là tài sản của nhân dân, nghiêm cấm việc phá hủy đình, chùa, đền, miếu, và các nơi thờ tự khác cùng các di tích khác chưa được bảo tồn.

Hiện nay Luật di sản văn hóa là pháp lý cao nhất có đầy đủ nội dung quy định về hoạt động bảo tồn di tích. Ngay lời nói đầu Luật di sản đã khẳng định "Di sản văn hóa là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa nhân loại, có vai trò to lớn trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước của nhân dân ta". Luật quy định cụ thể các loại di tích lịch sử, cách mạng, di sản văn hóa, đây là một bước tiến mới cho hoạt động bảo tồn, gìn giữ và phát huy di tích. Luật di sản văn hóa đã phát huy vai trò và nhiệm vụ của mình trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đáp ứng nhu cầu về văn hóa ngày càng cao của nhân dân. Tăng cường sự quản lý của nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia bảo vệ và phát huy di sản văn hóa.

Quyết định số 1057/QĐ ngày 14 tháng 6 năm 1991 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin Thể thao và Du lịch (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) công nhận di tích chùa Long Thiền là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia. Quyết định này đã cung cấp thêm công cụ pháp lý trong việc bảo vệ gìn giữ di tích, cùng với quyết định là biên bản quy định khu vực bảo vệ di tích.

Theo biên bản thì khu vực I gọi là khu vực bất khả xâm phạm. Khu vực này tuyệt đối cấm mọi sự xây dựng xâm phạm. Không có một tổ chức hoặc cá nhân nào được tự ý tháo gỡ, thay đổi vị trí hoặc làm hư hại, giảm giá trị vốn có của di tích. Khu vực này gồm toàn bộ mặt bằng của di tích, chiều dài 65,6 mét, rộng 29 mét, diện tích 1124 m². Phía Đông, Tây, Nam tính từ chu vi mặt bằng ra 5 mét, phía Bắc tính từ chu vi mặt bằng ra 10 mét.

Khu vực II, đây là khu vực điều chỉnh xây dựng, là khu vực tiếp giáp với khu vực I nhưng lại có quan hệ chặt chẽ với di tích về nhiều mặt: Lịch sử, môi trường, vẻ đẹp chung... Vì vậy bất cứ tổ chức hoặc cá nhân nào muốn phá vỡ hoặc xây dựng thêm công trình tại đây đều phải xin phép với UBND tỉnh và phải có ý kiến của sở văn hóa thông tin, nếu là di tích có giá trị tiêu biểu cho cả nước, thì phải được Bộ Văn hóa Thông tin thỏa thuận, cho phép theo Nghị định số 519. Khu vực này gồm: Chu vi khu vực bảo vệ tuyệt đối tính ra hướng Bắc và Tây là 20m, hướng Đông và Nam là 15m, theo như bản đồ địa chính xã, chiều dài là 85,5 mét, chiều rộng là 49 mét, diện tích 2292 m². Phía Đông giáp nhà dân và sông Đồng Nai, phía Tây và Nam giáp nhà dân, phía Bắc giáp con đường đất đỏ và nhà dân.

Ngoài các văn bản, thông tư nhằm bảo vệ di tích thì cũng có một số văn bản nhằm tu bổ và tôn tạo di tích chùa Long Thiên. Việc ban hành các văn bản pháp lý về bảo vệ và sử dụng di sản văn hóa thể hiện chính sách đúng đắn, nhất quán của Đảng và nhà nước về di sản văn hóa của dân tộc qua từng thời kỳ không chỉ dừng lại ở việc bảo vệ mà còn hướng tới việc sử dụng di tích, di sản văn hóa vào mục đích giáo dục truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội và vì sự phát triển của dân tộc.

Căn cứ vào các văn bản nêu trên, một lần nữa khẳng định chùa Long Thiên là một di tích lịch sử văn hóa quý giá mang nhiều đặc trưng về kiến trúc văn hóa, lịch sử và đóng góp tích cực trong việc giáo dục con người. Do đó

việc bảo tồn di tích chùa Long Thiên là một vấn đề cần thiết và phải được sự quan tâm chung sức của cả cộng đồng. Hoạt động bảo tồn và tôn tạo di tích phải luôn hướng đến mục đích giữ gìn nguyên gốc di tích và phát huy giá trị của di tích một cách hợp lý.

3.1.2. Hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị của di tích

Di tích lịch sử văn hóa là nơi ghi dấu những công sức, tài nghệ, ý đồ của cá nhân hoặc tập thể con người trong lịch sử để lại. Chúng là tài sản quý giá của mỗi địa phương, mỗi dân tộc, mỗi đất nước và cả nhân loại. Di tích lịch sử văn hóa là những bằng chứng trung thành, xác thực, cụ thể nhất về đặc điểm văn hóa của mỗi đất nước. Ở đó chứa đựng tất cả những gì thuộc về truyền thống tốt đẹp, về kỹ năng, kỹ xảo, về tâm linh con người. Di tích lịch sử văn hóa bao giờ cũng hàm nghĩa tích cực, có giá trị thẩm mỹ cao, có sức giải tỏa lớn và có khả năng rất lớn góp phần vào sự phát triển trí tuệ, tài năng của con người, góp vào phát triển khoa học nhân văn, khoa học lịch sử. Di tích lịch sử văn hóa là bộ mặt quá khứ của mỗi dân tộc, mỗi đất nước. Dù phát triển ở trình độ nào, mỗi quốc gia, mỗi đất nước đều không thể không tiến hành bảo tồn di tích. Hoạt động bảo tồn di tích là tuân theo quy luật tất yếu khách quan, không thể xem nhẹ trong hoạt động văn hóa, xã hội hàng ngày của mỗi con người, mỗi đất nước. Vì nếu chúng ta không quan tâm và gìn giữ thì chẳng bao lâu nữa đất nước ta sẽ không còn dấu tích của các thế hệ đi trước để trao truyền lại cho các thế hệ mai sau. Một khi điều đó xảy ra, các thế hệ con cháu chúng ta sẽ hình dung ra sao về bề dày lịch sử hào hùng, truyền thống văn hóa của dân tộc và vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước.

Bảo tồn di sản văn hóa trong tình hình phát triển kinh tế hiện nay là vấn đề phức tạp, đòi hỏi sự nỗ lực của toàn xã hội. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa ở Việt Nam ngày càng được chú trọng. Các di tích được kiểm kê xếp hạng, bảo quản, tu bổ, phục hồi, phát huy giá trị. Tuy nhiên, thực tế

công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa còn nhiều vấn đề bất cập cần có những biện pháp khả thi và kế hoạch lâu dài.

Chúng ta bảo tồn nhưng không cản trở sự phát triển, trái lại còn tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững của đất nước. Phát triển thế nào để không tổn hại đến di sản, đồng thời đem thành quả của sự phát triển hỗ trợ cho việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và môi trường.

Một khi di sản bị hủy hoại thì không có bất kỳ một khoảng tài chính nào, dù cho có lớn đến đâu, và những bộ óc thông minh đến mấy cũng không có thể làm lại được. Một sự thật hiển nhiên là giờ đây với khoa học, công nghệ phát triển, tiềm năng kinh tế của đất nước ngày càng mạnh, người ta có thể xây những công trình cao ốc chọc trời, to lớn bằng hàng trăm, hàng ngàn ngôi đình, ngôi chùa cộng lại, nhưng người ta lại không thể tạo ra một di tích khi nó bị mất đi.

Về hoạt động bảo tồn chùa Long Thiên thì qua nghiên cứu tài liệu thành văn và kết quả khảo sát thực trạng tại di tích chùa Long Thiên cho thấy: Đây là một kiến trúc tôn giáo được xây dựng khá sớm ở Đồng Nai (1664), đến nay đã được tu bổ, tôn tạo nhiều lần. Đặc biệt là 3 lần trùng tu lớn năm 1748, 1842, 1956.

Chùa Long Thiên xây dựng năm 1664 bằng gỗ thường, vách ván, mái lợp lá dừa nước, nền đất sét. Trong thời gian gần tám mươi năm (đời Tổ khai sơn) vì chùa làm bằng vật liệu nhẹ nên có sửa đi sửa lại vài lần, nhưng cũng bằng các vật liệu trên. Đến đời Tổ Phật Chiêu dòng Lâm Tế trùng tu lại lần thứ nhất vào năm 1748, chùa Long Thiên được mở rộng có phần kang trang hơn xưa. Chánh điện được xây cất lại bằng gỗ ba gian hai chái, có thêm nhà Tổ bằng vách ván, lợp ngói âm dương nền tráng vôi vữa. Qua năm 1842 đời Tổ Tiên Đức hiệu Tịnh Tạng dòng Lâm Tế trùng tu lại lần thứ hai. Tu bổ lại giảng đường, cất thêm khách đường và nhà trù, tường xây bằng gạch, nền đã

được lát gạch tàu, song vẫn còn lợp ngói âm dương. Sau khi Hòa thượng Thích Huệ Thành về trụ trì được một năm, chùa vẫn giữ y nếp cũ, nhưng Hòa thượng sửa sang lại phong quang vào năm 1943. Qua năm 1952, một trận lũ lụt lớn nhất (năm Nhâm Thìn), toàn bộ chùa chỉ còn cái nóc, chùa bị hư hại rất nhiều. Song lúc đó Hòa thượng Thích Huệ Thành còn đang lo công tác kháng chiến chống thực dân Pháp nên chưa kịp tu sửa. Năm 1956 được sự ủng hộ của tăng ni, Phật tử, Hòa thượng Thích Huệ Thành đại trùng tu lại ngôi chùa Tổ đình Long Thiên lần thứ ba.

Chùa được công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia năm 1991 cho đến nay vẫn tiến hành công tác bảo quản, tu bổ thường xuyên. Tuy nhiên thực tế công tác bảo tồn, tôn tạo di tích chùa Long Thiên hiện chưa được tiến hành một cách đồng bộ vô tình làm cho sự xuống cấp của di tích diễn ra ngày càng nhanh chóng hơn, do có sự khác nhau về chất liệu, kết cấu. Cho nên việc tiến hành tu bổ trùng tu di tích cần có sự phối hợp, cân nhắc các biện pháp và phải được sự đồng ý, thỏa thuận giữa Ban trị sự chùa, chính quyền địa phương, dưới sự tham vấn của cán bộ phận chuyên môn và Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch.

Đợt trùng tu 1956 diện tích chính điện được mở rộng về bốn phía. Hệ thống cột hiên đỡ mái đã được thay thế bằng tường và hệ thống cột gạch âm tường. Một số cột cái trong chánh điện đã được đúc bằng bê tông cốt sắt phi 400 (4 cột), hệ thống kèo góc (8 kèo) và kèo hồi (8 kèo) đã được thay thế bằng gỗ dầu, có kích thước nhỏ hơn kèo góc (kèo mới có kích thước 100 x 150, kèo góc có kích thước 270 x 250). Hệ thống xà ở tiền điện cũng được thay mới bằng loại gỗ dầu có kích thước nhỏ hơn xà góc (xà mới có kích thước 100 x 200 còn xà góc có kích thước 150 x 220). Hệ thống các trang thờ bằng gỗ đều được chỉnh trang nâng cấp bằng gạch thẻ, tô vữa vôi cát. Hệ

thống hoành phi, đôi liễn, bao lam... được sơn son thiếp vàng lại. Thay ngói âm dương bằng ngói móc vẩy cá.

Theo tài liệu thành văn lưu tại Giáo hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai. Năm 1981, khi Giáo Hội Việt Nam thống nhất được thành lập. Hàng năm Tổ đình Long Thiên đều khai mở An cư kiết hạ cho các tăng ni trong tỉnh. Năm 1984 một Đại giới đàn được tổ chức tại chùa, tiếp đến hai năm liên tiếp (1988, 1989) hai trường hạ lớn đã kết hợp mở khóa huấn luyện trụ trì. Đặc biệt vào năm 1990, tại chùa một Đại giới đàn lớn nhất từ trước đến nay cũng được khai mở, qui tụ Phật tử từ ba miền về thọ giới. Để phục vụ cho Đại giới đàn, Hòa Thượng hích Huệ Thành (lúc bấy giờ là trưởng ban giáo hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai). Đã quyết định xây dựng nhà giảng ngay trong khuôn viên của Tổ Đình Long Thiên. Nhà giảng được xây dựng có tổng diện tích: 352.2m² dạng nhà cấp 4 hai mái, tường xây, kèo, xà, đòn tay bằng gỗ dầu, mái lợp tôn thiếc, đóng trần bằng ván ép, cửa sắt lồng kiếng, nền lót gạch tàu kích thước 300 x 300.

Như chúng ta đã biết, các di tích lịch sử - văn hóa không chỉ được gìn giữ và bảo quản là đủ, mà phải sử dụng những giá trị vốn có trong di tích vào các mục đích tuyên truyền khoa học và giáo dục quần chúng. Các di tích nó sẽ không có nghĩa gì nếu như chúng ta không khai thác những giá trị chứa đựng trong di tích và phát huy những giá trị đó.

Ngày nay việc sử dụng và khai thác các mặt giá trị di tích được coi là một trong những phương pháp hữu hiệu nhất để bảo vệ di tích. Khả năng bảo vệ và tôn tạo di tích phụ thuộc rất nhiều vào mức độ xã hội hóa của các di tích đó. Trước hết các di tích phải được sử dụng một cách tích cực, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa một cách lành mạnh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học, làm sáng tỏ lịch sử văn hóa dân tộc. Nhất thiết phải gạt bỏ quan niệm

thương mại hóa, biến di tích thành đối tượng khai thác chính mà quên mất chức năng văn hóa cao đẹp của chúng.

Hàng năm vào các ngày lễ tại chùa Long Thiên thu hút rất đông tăng ni, Phật tử và người dân đến tham dự, nhất là vào ngày giỗ Tổ 18/12 âm lịch, lễ được tổ chức long trọng có đông đảo thiện tâm, tín hữu, tăng ni, Phật tử đến tham dự. Từ đó phát huy tinh thần tốt đẹp của lễ hội trong việc giáo dục đức tính, lối sống văn hóa, ứng xử của mọi người dân, nhất là thế hệ trẻ.

Ngoài ra cũng đã có bài viết về di tích trên các nguồn thông tin đại chúng, trên sách báo, tạp chí, giới thiệu về di tích, nhằm góp phần phát huy giá trị di tích.

3.2. Nhận định và đề xuất

3.2.1. Nhận định

Chùa Long Thiên là một kiến trúc tôn giáo vào loại sớm nhất Đồng Nai, lại là cái nôi của trung tâm Phật giáo Đàng Trong. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ chùa cũng có nhiều đóng góp xứng đáng được sử sách ghi nhận. Chính vì vậy chùa Long Thiên đã được nhà nước quyết định công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia, điều đó đã tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích chùa Long Thiên.

Sau lần đại trùng tu 1956 do Hòa Thượng Thích Huệ Thành đứng ra trụ trì với sự ủng hộ của Phật tử và bô lão địa phương, thì đến năm 2005 trong chương trình mục tiêu Quốc gia đã cấp 200 triệu đồng để các cơ quan chức năng tiến hành trùng tu, tôn tạo ngôi chùa, để bảo tồn, tăng tuổi thọ cho ngôi cổ tự.

Lần tu bổ, tôn tạo di tích chùa Long Thiên gần nhất là năm 2012. Đây là công trình bảo quản, tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử cấp quốc gia. Đơn vị làm chủ dự án là Ban Quản lý di tích - Danh thắng thuộc Sở Văn hóa Thông tin Thể thao

và Du lịch Đồng Nai, có đầy đủ chức năng, năng lực thực hiện việc quản lý dự án theo Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và quyết định 05/2003/QĐ-BVHTT ngày 06/02/2003 của Bộ Văn hóa Thông tin về việc ban hành: Quy chế bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh.

Trước kia di sản văn hóa được bảo tồn và phát huy một cách tự phát, nhưng nay được nhà nước quan tâm, thể hiện bằng hệ thống chính sách, luật lệ. Chương trình mục tiêu quốc gia là cơ hội thuận lợi, bảo đảm cho di sản được bảo tồn vững chắc, phát huy bền vững, qua đó đóng góp tích cực cho sự phát triển của đất nước. Di sản văn hóa có vai trò quan trọng đối với sự phát triển như vậy, dù trong những năm qua đã có những mặt tích cực nhưng cũng còn nhiều hạn chế trước tình hình xuống cấp các hạng mục.

Mặc dù được các cấp chính quyền, cơ quan chức năng và nhà nước quan tâm đến vấn đề bảo tồn và phát huy tác dụng di tích chùa Long Thiên, nhưng bên cạnh đó cũng có không ít khó khăn. Dự án tu bổ, tôn tạo di tích chùa Long Thiên đã được duyệt rất lâu nhưng kinh phí nhà nước theo kế hoạch là đến cuối năm 2010 mới trút xuống, thực tế thì mãi đến năm 2012 mới tiến hành tu bổ, tôn tạo, trong khi đó di tích chùa Long Thiên ngày một xuống cấp trầm trọng.

Trong dự án thì sẽ tu bổ, tôn tạo chánh điện, nhà trù, nhà giảng, 5 ngôi tháp cổ, xây mới cổng tam quan, xây mới hàng rào, tôn tạo lại cây bồ đề. Nhưng khi tiến hành thì chỉ tu bổ được một số hạng mục. Còn cổng tam quan và hàng rào thì đang xuống cấp trầm trọng nhưng chưa được tu bổ, tôn tạo.

Ngoài ra đoạn tường rào ở mặt tiền di tích và bên hông đường chính dẫn vào di tích hình thức xây dựng không phù hợp đối với di tích chùa cổ lại nằm ngay vào lộ giới quy hoạch mở đường cần phải tháo bỏ, cùng với đoạn tường

này là trụ sở của tỉnh hội Phật giáo cũng nằm trong lộ giới mở đường cần phải tháo bỏ.

Đây là di tích cấp quốc gia, nhưng ý thức của người dân trong việc bảo vệ và phát huy di tích chưa thực sự tốt. Trước công di tích thanh niên thường hay tụ tập đánh bài, đá gà, làm mất đi vẻ mỹ quan và thanh tịnh của di tích. Do di tích nằm gần nhà dân, có nhiều trẻ nhỏ, những đứa trẻ chưa ý thức được giá trị của di tích nên hay nghịch phá làm ảnh hưởng đến di tích.

Theo tài liệu của giáo hội Phật giáo tỉnh Đồng Nai thì đây là ngôi chùa cổ có nhiều pho tượng được thỉnh từ Campuchia về, và nhiều pho tượng bằng đồng rất có giá trị. Nhưng khi thực tế đến chùa thì hiện nay không còn các pho tượng ấy nữa, mà phần lớn các pho tượng được làm bằng xi măng, thạch cao và một số ít được làm bằng gỗ. Việc thất thoát các hiện vật ở chùa đã làm ảnh hưởng rất lớn đến giá trị di tích.

3.2.2. Đề xuất

Muốn bảo tồn và phát huy giá trị di tích cần phải nắm vững về di tích. Nghiên cứu di tích và giá trị của di tích là chìa khóa để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích một cách hiệu quả.

•Bảo tồn, tôn tạo di tích

Để gìn giữ di tích, tất yếu phải tôn trọng di tích, muốn tôn trọng ắt phải thấu triệt giá trị di tích. Để giao lưu hữu nghị người ta lần tìm quá khứ lịch sử, văn hóa của đối tượng qua các di tích, đó là động lực phát triển bản sắc văn hóa được thể hiện tuân tự có chọn lọc. Để gìn giữ di tích phải khắc phục ngay những những vấn đề phát sinh trong quá trình bảo tồn và phát triển đô thị, phải có kế hoạch lâu dài và dựa vào pháp lệnh “Bảo vệ di tích lịch sử văn hóa danh lam thắng cảnh” để làm cẩm nang cho việc nghiên cứu và thiết kế đô thị. Không thể vì “thay da đổi thịt” hay “nâng cấp” một cách tùy tiện mà biến di tích thành cái xác què quặt, vô hồn.

Di tích tồn tại khách quan trong không gian, thường xuyên chịu tác động của các yếu tố tự nhiên và con người, về tác hại do con người gây ra có thể hạn chế nhờ các công cụ pháp lý, nhưng yếu tố tự nhiên thì phải nhờ đến các biện pháp kỹ thuật thích hợp.

Khi tiến hành trùng tu, sửa chữa di tích phải giữ nguyên yếu tố gốc, vì nó rất quan trọng, bởi đó là tiếng nói của các thế hệ từ quá khứ đến hiện tại, chính vì thế giữ yếu tố gốc phải bảo đảm cho di tích vừa được tu sửa, chống xuống cấp, vừa không thay mới những yếu tố hiện tại cho di tích. Giúp di tích tồn tại một cách vững chắc và nguyên vẹn các yếu tố truyền thống. Giữ gìn yếu tố gốc chính là giữ gìn cho thế hệ mai sau những cứ liệu, những tri thức, những hiểu biết đúng đắn của di tích nguyên ý nghĩa về vật chất tinh thần.

Yếu tố gốc ở đây được hiểu theo nhiều mặt: Trước hết có thể hiểu là phải giữ lại tất cả các yếu tố như khi bắt đầu xây dựng, cố gắng không thay thế cái mới, mặc dù cái mới ở đây cũng tuân thủ như trước như: Kích thước, kỹ thuật chế tác, màu sắc, mỹ thuật... cần phải lựa chọn thật cẩn thận những vật liệu để tu sửa cho bất kỳ di tích nào có giá trị. Giữa vật liệu cũ và vật liệu mới phải trải qua thời gian đã khác nhau về nhiều mặt, nhưng chắc chắn rằng chỉ trong trường hợp một yếu tố bị phá hủy không thể đảm nhận tốt chức năng của mình thì yếu tố mới phải thay thế. Nhưng nếu phải sử dụng một vật liệu thay thế thì chắc rằng nó sẽ in lên di tích dấu ấn thời đại nhất định. Điều quan trọng là các thế hệ mai sau có tán đồng với các sử dụng vật liệu đó và có thể phân biệt được yếu tố gốc và các thành phần thêm vào sau này. Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là không nên dùng vật liệu mới để làm lại những yếu tố đã mất và gia cố các yếu tố bị hư hỏng, các yếu tố mới thêm vào có thể nhìn thấy được nhưng không nên quá lộ liễu, phải sử dụng tất cả các gam màu và vật liệu có trong thời đại chúng ta nhưng khối lượng và bề mặt của nó phải được lựa chọn với nghệ thuật cao. Dù dùng cách nào cũng tôn trọng dấu ấn

thời đại của di tích có nghĩa là không làm trẻ hơn, hoặc cũ đi, đảm bảo tính xác thực trên các mặt kết cấu, vật liệu, kỹ thuật xây dựng sử dụng chất liệu như trong đồ án xây ban đầu. Yêu cầu thực hiện nguyên tắc này là phải tuân thủ nghiêm túc tính chân thực lịch sử và nguyên gốc di tích.

Khi muốn trùng tu di tích, trước hết thì cần phải nghiên cứu toàn diện về di tích vì di tích thường tồn tại trong một không gian và hình thành trong một thời gian nhất định. Do đó khi tiến hành tu sửa di tích phải nghiên cứu di tích một cách toàn diện không chỉ riêng di tích mà cả những di tích cùng thời, đồng loại, theo nhiều phương pháp khác nhau. Việc nghiên cứu này cho phép người làm công tác tu sửa có thêm những tư liệu bổ sung, so sánh, đối chiếu và rút ra phương pháp tu sửa hữu ích nhất, biện pháp gia cố tốt nhất cho việc lập đề án tu sửa di tích. Đồng thời loại bỏ những sai sót đáng tiếc xảy ra trong quá trình trong quá trình tu sửa, giúp di tích không những bảo tồn vững chắc mà còn đúng và sát với thực tế ban đầu của di tích.

Việc tu sửa phải tiến hành đồng bộ, vì trong quá trình tu sửa di tích thường bị hạn chế bởi các yếu tố khách quan và chủ quan, như vấn đề kinh phí, vấn đề thời gian. Cơ quan chức năng, Ban trụ trì chùa, các chuyên gia, khi tiến hành tu sửa di tích nên phối hợp với nhau về thời gian và kinh phí thực hiện, tránh trường hợp thực hiện nửa vời làm ảnh hưởng đến di tích.

Hiện nay một số hạng mục tại chùa vừa được tu bổ, tôn tạo, như chánh điện, nhà trù, nhà giảng, tháp cổ. Nhưng về dài lâu cần có các biện pháp nhằm gia cố phần nền móng của di tích nhất là ở các tháp cổ, tu bổ và phục hồi các bộ phận kèo, xà, ở chánh điện, nhà trù, nhà giảng do bằng chất liệu gỗ nên dễ bị mối mọt, hạn chế tác nhân gây hại cho di tích gồm côn trùng, mối mọt, nấm mốc, và sự can thiệp không đúng của con người. Ngoài ra cần có kế hoạch thường xuyên, dài hạn về mục tiêu bảo quản chống xuống cấp di tích, để bảo quản tối đa các cấu kiện gốc đồng thời tăng cường tuổi thọ cho di tích. Các

hạng mục trong di tích được xây dựng với nhiều chất liệu khác nhau nên phải tiến hành phân loại theo từng chất liệu trước khi tiến hành tu sửa để bảo tồn một cách khoa học và đảm bảo chất lượng một cách tốt nhất cho di tích.

Phải chú trọng với các lớp làm thêm sau này mà phải thấy chúng có ý nghĩa lịch sử, hoặc có giá trị thẩm mỹ. Có thể trong một tổng thể di tích có nhiều công trình xây dựng và hình thành trong nhiều thời điểm khác nhau. Vì vậy một nguyên tắc đặt ra không vội vàng gạt bỏ mọi yếu tố không cùng thời đại song có giá trị về mặt lịch sử khoa học nghệ thuật.

Song song với việc bảo tồn các giá trị gốc, sẽ tôn tạo bằng biện pháp và chất liệu hiện đại nhằm tăng tuổi thọ của di tích đồng thời khai thác hiệu quả các giá trị vốn có của di tích để đáp ứng nhu cầu tâm linh tính ngưỡng của nhân dân và du khách, phát triển kinh tế.

Hạng mục hàng rào: Giữ nguyên tường rào phía Nam và Đông di tích, tiến hành gia cố, gia cường các vết nứt. Đối với tường rào phía Tây và Đông Bắc do nằm trong quy hoạch lộ giới và hành lang sông Đồng Nai nên đập bỏ xây mới.

Hạng mục cổng Tam quan: Đập bỏ cổng Tam quan cũ do nằm trong lộ giới quy hoạch mở đường, kiến trúc của cổng hiện hữu không hợp và tương xứng với kiến trúc tổng thể cũng như giá trị lịch sử văn hóa của di tích. Xây cổng Tam quan mới bằng vật liệu hiện đại (trụ đỡ bê tông cốt thép, ngoài ốp đá xanh Bửu Long, mái đúc dán ngói âm dương) phỏng theo mô típ kiến trúc cổng Tam quan của các ngôi chùa cổ thời Nguyễn ở Huế.

Người chỉ đạo tu sửa di tích không được phụ thuộc vào các nguyên nhân nào khác như là nguyên nhân hạn chế tài chính. Có những bộ phận di tích tuy không lớn, song về yêu cầu rất phức tạp cần phải áp dụng kỹ thuật cổ truyền chế tạo bằng phương pháp thủ công vì vậy có thể rất tốn kém về kinh phí.

Vai trò của cơ quan chức năng trong việc bảo tồn di tích là rất quan trọng, bên cạnh việc làm hồ sơ công nhận di tích cần phải tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn đến quần chúng nhân dân, đồng thời mở lớp tập huấn, tuyên truyền cho các tăng ni Phật tử trong chùa, giúp họ hiểu rõ hơn về giá trị đích thực của di tích chùa Long Thiên

Cơ quan chức năng nên cử các bộ chuyên ngành, am hiểu về lịch sử văn hóa Phật giáo, theo dõi viết báo cáo khoa học thường xuyên định kỳ để làm cơ sở cho hoạt động tu sửa tôn tạo di tích.

Bên cạnh nguyên tắc về mặt kỹ thuật, công tác bảo tồn tu bổ và phục hồi di tích cần thiết phải sử dụng đến thiết chế nhà nước, sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội và quần chúng trong việc tuyên truyền và giáo dục ý thức của người dân, để họ không chỉ biết đến di tích như một cơ sở tín ngưỡng mà còn hiểu biết sâu hơn về di tích như một tài sản quý giá của cộng đồng, giúp họ yêu quý di tích và chủ động bảo vệ nó trước tác động của yếu tố tự nhiên và xã hội.

Ngoài ra cơ quan chức năng cần kết hợp chặt chẽ với Ban quản lý di tích, Ban trị sự chùa để quản lý di tích được tốt hơn, tránh hiện trạng thất thoát các hiện vật trong chùa làm ảnh hưởng đến di tích.

- ***Phát huy***

Di tích lịch sử văn hóa được lựa chọn gìn giữ lại, thường chứa đựng nội dung khoa học lịch sử, những nhân tố chân - thiện - mỹ, những khả năng giải tỏa tâm linh, và có ý nghĩa rất lớn trong việc nâng cao trình độ hiểu biết của nhân dân, trong cuộc cách mạng văn hóa tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Di tích lịch sử văn hóa chùa Long Thiên là công trình được tạo với mục đích phục vụ cộng đồng và xã hội. Cho nên trong quá trình phát triển ngoài việc bảo tồn gìn giữ thì di tích cần phải được sử dụng và phát huy, để giáo dục và tuyên truyền

khoa học cho quần chúng nhân dân. Đồng thời phát triển du lịch để phù hợp với xu thế hiện đại của xã hội.

Tuy nhiên có những di tích chưa cần đặt vấn đề phát huy tác dụng vẫn được ngưỡng mộ như đình, chùa, miếu... có những di tích tự bản thân đã toát lên giá trị, phẩm chất, nhưng cũng có những di tích mang những giá trị tìm ẩn như các di tích về lịch sử, trong trường hợp này vai trò phát huy giá trị di tích không kém phần quan trọng.

Cơ quan chức năng là đơn vị đầu tiên trong công tác phát huy tác dụng di tích, các cơ quan chức năng nên đáp ứng nhu cầu về lượng thông tin, tài liệu, hiện vật cho các đối tượng, tránh đùn đẩy giữa địa phương với thành phố. Sự phối hợp giữa các ban ngành là yếu tố cần thiết nhất định về thông tin, tuyên truyền phổ biến những giá trị cơ bản về văn hóa truyền thống. Cần có những buổi hội thảo, tọa đàm sâu về giá trị bản thân di tích, gây phong trào, làm phong phú cho kho tàng văn hóa. Cập nhật hóa thông tin nhằm ngăn chặn kịp thời các di tích xuống cấp.

Những người trực tiếp quản lý di tích: Cơ quan quản lý nhà nước mặc nhiên công nhận các đối tượng trực tiếp quản lý di tích, đây là những đối tượng không biên chế, không hợp đồng nhưng ý thức trách nhiệm cao. Chính họ góp phần không nhỏ nâng cao nhận thức về giá trị di tích trong toàn xã hội và là một chủ thể có đầy đủ tính năng xã hội hóa các di sản văn hóa, làm sống lại các di tích. Bản thân các di tích lịch sử văn hóa đã có giá trị văn hóa tiêu biểu, tuy nhiên để nâng cao ý thức, tuyên truyền sâu rộng và thường xuyên về sự nghiệp bảo vệ và phát huy di tích, chính những đối tượng quản lý trực tiếp di tích góp phần nâng cao nhận thức của toàn xã hội về việc giữ gìn và phát huy di tích.

Những ngày lễ lớn trong năm là thời điểm tốt nhất để phát huy tác dụng di tích, định hướng cho thanh thiếu niên nâng cao ý thức đối với sự nghiệp

bảo vệ và phát huy di tích lịch sử văn hóa. Cũng thông qua các ngày lễ và các hoạt động diễn ra tại chùa đã mang tinh thần tốt đẹp ấy góp phần giáo dục đức tính lối sống văn hóa, ứng xử của mọi người dân, nhất là thế hệ trẻ.

Viết bài giới thiệu về di tích đến nhân dân trong tỉnh nói riêng và cả nước nói chung. Đồng thời tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa về các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật của di tích.

Bên cạnh đó hạn chế các hoạt động không phù hợp như lãng phí, trộm cắp, tệ nạn mê tín dị đoan lợi dụng cửa Phật gây thiệt hại cho người dân và ảnh hưởng đến giá trị tốt đẹp của di tích.

Cơ quan chức năng kết hợp với Ban trị sự chùa tiến hành tuyên truyền quảng bá cho người dân địa phương và du khách trên các nguồn thông tin đại chúng, còn có thể phát hành ấn phẩm, sách báo, tạp chí giới thiệu về di tích.

Các cấp chính quyền, cơ quan chức năng, Ban trị sự chùa phải hợp tác thống nhất với nhau về mọi phương án trong việc bảo tồn và phát huy di tích, có như vậy mới tạo được môi liên kết chắc chắn giúp di tích tồn tại bền vững.

Kinh phí là vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn tại phát triển của di tích. Trong những ngày lễ ở chùa thì kinh phí để tổ chức là sự đóng góp của Phật tử. Cần thực hiện xã hội hóa công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích, bằng cách làm tốt công tác đối nội, đối ngoại để kêu gọi sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội và cá nhân, các nhà hảo tâm trong và ngoài nước.

Trong quy hoạch phát triển kinh tế – du lịch Tp Biên Hòa 2010-2020, chùa Long Thiền sau khi được tu bổ, tôn tạo sẽ là một trong những điểm du lịch hấp dẫn đối với khách tham quan trong và ngoài nước. Đi kèm với du lịch các dịch vụ phụ cũng được phát triển sẽ góp phần tạo công ăn việc làm cho dân cư trong khu vực, nâng cao chất lượng đời sống của người dân, phát triển kinh tế thành phố theo hướng du lịch, dịch vụ.

KẾT LUẬN

Chùa Long Thiên là một kiến trúc tôn giáo có mặt trên vùng đất Đồng Nai khá sớm, với niên đại trên 300 năm, là một cái nôi của trung tâm Phật giáo xứ Đàng Trong. Đây còn là nơi minh chứng cho sự hiện diện của người Việt ở đất Đồng Nai từ giữa thế kỷ thứ XVII, trước khi chúa Nguyễn quan tâm đến vùng đất này. Là ngôi Già Lam cổ xưa còn in đậm dấu chân hoàng pháp của các vị Tổ sư buổi đầu vào vùng đất Nam Bộ, cùng với chùa Bửu Phong và Đại Giác là những nơi nhận truyền bá Phật giáo đầu tiên từ miền ngoài vào và từ đây Phật giáo được truyền xuống các tỉnh phía Nam.

Từ ngày thành tạo đến nay, trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chùa Long Thiên dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Thích Huệ Thành đã đồng hành cùng quê hương góp sức đấu tranh giải phóng dân tộc.

Chùa Long Thiên tọa lạc trên vùng đất long mạch quý. Trước chùa có sông Đồng Nai, sau lưng chùa có núi Châu Thới, phía tả có hàm Thanh Long, phía hữu có lưng Bạch Hổ. Từ chùa tỏa ra quanh vùng, từ Hóa An đến Thạch Hội là “long mạch của Thanh Long” còn mũi Châu Thới dựng lên như cánh đuôi rồng, chùa Long Ân biểu trưng miệng rồng, núi Bửu Phong biểu thị “trái châu” ví như rồng ngậm trái châu. Khí thế long mạch tạo thành cảnh trí thịnh vượng biểu tượng như Long châu. Đó là địa lý trợ cho ngôi Tổ đình đời đời vững bền, thịnh vượng.

Chùa có bố cục cân đối, trong sân chùa có nhiều cây xanh ôm bọc khối kiến trúc, kết hợp kiến trúc với môi trường sinh thái một cách nhuần nhuyễn, tạo nên cảnh quan có đủ vẻ “đẹp” và chất “thiên” vừa thu hút mỹ cảm vừa là chỗ dựa tâm linh của mọi người. Chùa có kiến trúc theo lối chữ Tam, và ảnh hưởng của lối kiến trúc tân thời, tổng thể kiến trúc chùa là sự dung hòa giữa truyền thống với hiện đại. Mặt trước của chùa được trang trí với nhiều đề tài Phật giáo, trên cùng là biểu tượng rồng châu trái châu, hai bên là cặp lý ngư

hóa long, mặt nhật, mặt nguyệt, ngoài cùng là hai con phụng làm bằng chất liệu xi măng sơn màu, phía dưới là những ô hình chữ nhật đắp nổi nhóm tứ linh, cuối cùng là đề tài Bát Tiên.

Thông qua các hình thức sinh hoạt Phật giáo, các lễ hội mang tính cộng đồng, cùng các hoạt động mang tính từ thiện tại chùa. Chùa Long Thiên thực sự đã hòa nhập và đi sâu vào cuộc sống thường nhật của người dân Đồng Nai, là nơi để giải tỏa những áp lực, gánh nặng của cuộc sống và mang lại sự bình an thanh thản cho tâm hồn người dân, đây là sợi dây vô hình kết nối giữa "đạo" với "đời". Đồng thời chùa cũng là điểm du ngoạn của khách thập phương và là nơi nghiên cứu của nhiều nhà khoa học trong các lĩnh vực văn hóa, lịch sử, mỹ thuật...

Với những giá trị nêu trên chùa Long Thiên xứng đáng là di tích lịch sử cấp quốc gia cần phải được bảo tồn và phát huy. Đây là mối quan tâm và trách nhiệm không của riêng một cơ quan chức năng, một tổ chức nào mà là trách nhiệm của cả cộng đồng. Bên cạnh đó để di tích tồn tại và phát huy hết tác dụng cần có sự phối hợp hài hòa giữa nhiều yếu tố trong đó việc giáo dục ý thức tôn trọng và bảo vệ di tích của nhân dân là việc làm cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bảo tàng Đồng Nai (1993), *Đồng Nai di tích văn hóa*, NXB Đồng Nai.
2. Bảo tàng Đồng Nai, *Hồ sơ khoa học di tích chùa Long Thiên*.
3. Trần Lâm Biền (1996), *Chùa Việt*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Trịnh Hoài Đức (tái bản năm 1993) *Gia Định Thành Thông Chí*.
5. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Kỷ yếu lễ tang Đại Lão Hòa Thượng Thích Huệ Thành*.
6. Nguyễn Đăng Huy, Trịnh Minh Đức (1993), *Bảo tồn di tích lịch sử văn hóa*, Bộ văn hóa thông tin trường ĐHVH Hà Nội.
7. Nguyễn Bá Lăng (1992), *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam* (tập 1), NXB Vạn Hạnh Sài Gòn.
8. Trần Hồng Liên (1996), *Phật giáo Nam Bộ thế kỷ XVII đến 1975*, NXB TP HCM.
9. *Luật di sản văn hóa và văn bản hướng dẫn thi hành* (2004), NXB Chính trị quốc gia Hà Nội.
10. Huỳnh Lứa (1987), *Lịch sử khai phá vùng đất Nam Bộ*, NXB TP. HCM.
11. *Lược sử Ngài Yết Ma Thiện Niệm - sự tích Long Thiên tự* (2008), NXB Tổng hợp TP.HCM.
12. Lương Văn Lựu (1971,1972) *Biên Hòa sử lược toàn biên* (tập 1,2) tác giả tự xuất bản.
13. Nhiều tác giả (1998), *Biên Hòa - Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển*, NXB Đồng Nai.
14. Thúy Nga, Xuân Hậu, Phan Thị Thịnh (2002), *Những ngôi chùa Đồng Nai* (tập 1), NXB Văn hóa Thông tin.
15. *Sưu tầm của Yết Ma Thiện Niệm, Sự tích Long Thiên tự, Tổ Đình Sơn Môn Nam Việt*, Giáo Hội Lục Hòa Tăng (Biên Hòa)
16. Hòa Thượng Thích Trí Tấn (1990), *Lịch sử tổ đình chùa Long Thiên, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa Đồng Nai*
17. Nguyễn Đình Thanh (chủ biên), *Di sản văn hóa, bảo tồn và phát triển*, NXB Tổng hợp Tp HCM.
18. Vân Thanh (1974), *Lược khảo Phật giáo sử Việt Nam*, NXB Phật học viện Sài Gòn.
19. Tỉnh ủy Đồng Nai (2001), *Địa chí Đồng Nai*, NXB Tổng hợp Đồng Nai.
20. Nguyễn Quảng Tuân, Huỳnh Lứa, Trần Hồng Liên (1994), *Những ngôi chùa ở Nam Bộ*, NXB TP.HCM.
21. Võ Văn Tường (1992), *Việt Nam danh lam cổ tự*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội
22. Ủy ban khoa học xã hội Việt Nam (1991), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, NXB Hà Nội.